SỐ 39: NGÀY 16 JUIN 1943

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Vấn-đề gạo và dân quê	TÂN PHONG
— Một cuộc điều tra về tiểu công-nghệ Đông-dương	VŨ ĐÌNH HÒE
— Nhân ngày giỗ đầu Thạch-Lam: Tính cách tạo tác của Thạch-Lam	THẾ-LỮ
— Sống và viết	ĐINH GIA TRINH
— Danh văn ngoại quốc: Sự xung-đột giữa tư tưởng và sự vật	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Trọng sự tự do và cá tính con trẻ trong việc giáo-dục	PHẠM LỢI
— Tặng anh em học sinh: Chương trình đi thăm chùa Trầm	~~VŨ BỘI LIỄU~~
— Tư-tưởng Oscar Wilde với bài « Một quan-niệm về nghệ thuật »	ĐINH GIA TRINH
— Việc quốc tế	Đ. Đ. D.
— Đọc sách mới	L. H. V.

TÒA BÁO : 214 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI. GIÁ : 0 $ 35

3 tháng : 2 $ 00 . 6 tháng : 3 $ 90 . 12 tháng : 7 $ 60

VẤN-ĐỀ GẠO VÀ DÂN QUÊ

TÂN PHONG

Vì chịu ảnh-hưởng của chiến-tranh, vì sự giao-thông với xứ Nam-kỳ thành khó-khăn, vì sự hoảng-hốt của dư luận mà thời-kỳ khủng-hoảng nào cũng hay thấy và vì nhiều lý-do về quốc-tế, tiền-tệ và kinh-tế ra quá phạm-vi xứ này, vấn đề gạo ở Bắc-kỳ đã thành một vấn-đề quan-trọng khiến cho chính-phủ phải chú-ý tới. Sau vụ tháng mười năm ngoái các nhà cầm-quyền đã đề sở *Comptoir du riz* phía bắc Đông Dương một cơ quan của chính phủ bỏ tiền ra mua của dân-quê, theo một giá định trước (13$50 một tạ) một số thóc để trữ, gọi là *stocks de sécurité* (kho-trữ phòng-bị).

Thứ thóc trữ đó để giải-giác khắp các tỉnh trung-châu, ở nơi tiện đường vận-tải, nhà nước đã đem say giã thành gạo và bán lại cho người tiêu-thụ ở các tỉnh-thành và kỹ-nghệ căn cứ vào thóc gạo, theo một giá phải-chăng.

Nhờ một phần ở chính-sách ấy, sự cung-cấp thứ thực-phẩm căn-bản đó trong lúc «giáp hột» đã giải quyết được ổn-thỏa ; và giá gạo ở các tỉnh-thành và theo dấy ở thôn-quê, tuy có lên cao hơn trước nhiều, nhưng cũng đã vững được.

Về vụ chiêm sắp tới đây, chính-phủ Bắc-kỳ đang thi-hành lập những kho trữ phòng bị, nhưng lần này bằng cách mua bán theo hợp đồng.

Một tờ báo hàng ngày ở đây đã coi sự lập những kho-trữ ấy là một bước tiến sâu vào nền kinh-tế điều-khiển và một sự thất-bại thêm của kinh-tế tự-do.

Nhưng cần gì mà phải dùng tới những tiếng to-tát ấy? Những tiếng ấy ở đây không có nghĩa gì cả. Ta chỉ nên nhận rằng chính-sách đã thi-hành là do tình-thế khó-khăn gây nên,

Cũng còn những phương pháp khác nữa (1).

Nhưng sự lập những kho-trữ là một phương pháp có hiệu-nghiệm. Nó không cần phải vào lý-thuyết nào cả. Sự bắt buộc của tình-thế đủ để bào chữa cho nó rồi.

Ta chỉ nên bàn xem để lập những kho-trữ cách nào tiện-lợi cho dân-quê nhất và cách nào có ảnh-hưởng đến thị-trường thóc gạo một cách hay nhất.

∴

Muốn có một số thóc nhất định, người ta có thể nghĩ đem số ấy chia về các tỉnh sản-xuất ở trung-châu rồi gán cho mỗi tỉnh bao nhiêu tấn. Rồi ở mỗi tỉnh lại chia về các huyện, từ các huyện về các làng; trong mỗi làng, mỗi người cấy một mẫu thì phải bán cho nhà nước bao nhiêu cân ; người nhiều người ít theo với số ruộng mình cấy, nhưng ai cũng phải bán.

Cách quân phân này có một điều hại là làm cho *sa-sầy* mất nhiều.

Những dân quê cấy dặm ba mẫu, một vài sào là những người không hiểu quyền-lợi của mình, và ý định của chính phủ nhất. Họ dễ bị lừa dối, rồi hoặc bán quá số thóc họ phải bán, hoặc tìm cách chạy chọt để khỏi phải bán mà chút cả nghĩa-vụ của mình lên vai những người bên cạnh.

Vì thế số thóc vào kho của chính-phủ thí-dụ chỉ có 10 tạ mà nhiều khi dân quê phải bán tới 12, 13 tạ ; cũng vì thế đáng lý mỗi mẫu chỉ bán có 3 tạ mà thật sự có mẫu nộp tới 4 hay 5 tạ, có mẫu được miễn.

Không có sự kiểm-soát nào làm cho mất hẳn những sự nhũng-lạm, bất công ấy được. Đó là kết-quả dĩ-nhiên của những sự thu-hoạch bằng sản-vật. Trong lịch-sử, ở nước ngoài, người ta đã nghiệm thấy như thế.

Nhẽ tất-nhiên ở xứ ta, trình-độ dân còn thấp kém, cách đo-lường bằng lít (litre) bằng cân tây, chưa được thông-dụng, điều bất-tiện kể trên đây càng rõ rệt.

Trong vụ này nhà cầm quyền đã có ý để cho những liên đoàn các người buôn thóc gạo ký hợp đồng với *comptoir du riz* nhận hết trách nhiệm tận nơi đồng ruộng để thu nhặt số thóc dân sẽ bán — sự dụng ý ấy có nhẽ sẽ dảm được đôi chút sự nhũng lạm. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Vậy đứng về phương-diện xã-hội và cai-trị mà xét thì cách quân-phân hoặc bắt các tiểu-điền-chủ bán thóc làm cho các viên-chức phải vất vả mà kiểm-soát không xuể ; mà lại làm cho dân chịu những sự *sa-sầy* không sao tránh được.

Về phương-diện chính-trị, cách ấy gây trong dân-gian một sự lo lắng và hiểu-nhầm không nhỏ. . . . . .

. . . . . .

Đứng về phương-diện kinh-tế thì từ mùa nọ sang mùa kia trong vòng 5, 6 tháng giời số thóc trung bình thu được ở một vài mẫu ruộng chiêm hay mùa chỉ đủ dùng cho sự *ăn* của một gia-đình thôn-quê cùng những người giúp họ trong công việc đồng áng.

Theo những cuộc điều-tra mới nhất ở đây thì trung-bình, mỗi người dân-quê Bắc-kỳ cần từ 230 tới 270 kilốs thóc để ăn trong một năm (1). Kể cả bố mẹ, con cháu và người giúp việc mỗi gia-đình thường có 7 miệng ăn, và cần dùng non 900 kilos thóc từ mùa nọ sang mùa kia.

Nếu ta lấy số trung-bình thì mỗi mẫu ruộng mỗi vụ chỉ sản-xuất được độ 540 kilos thóc (1)

Như vậy, vụ nào không thất-bát thì một gia-đình dân-quê cấy hai mẫu ruộng mới có đủ số thóc ăn ; số thóc còn dư (hơn một tạ) sau khi đã trừ thóc giống, thóc để thợ cầy, thợ cấy ăn khi phải mượn để làm vội cho kịp mưa, kịp gió — thật không đáng kể.

Đây chỉ nói về sự cần-dùng của dân-quê bằng *thóc* mà không kể đến sự cần-dùng bằng tiền để giả các khoản chi-tiêu về thuế khóa, công nợ, thuốc thang, may mặc v. v.

Nếu bắt những gia-đình kể trên đây bán một phần số thóc họ gặt được ; hoặc bắt những người cấy 5 hay 10 mẫu bán số thóc còn thừa, nhưng bằng một giá rẻ qua đối với giá các sản phẩm khác trong lúc này, khiến cho họ phải bán thêm cả « số thóc ăn » mới đủ tiền chi tiêu cần — thì một vài tháng sau ta sẽ thấy tăng gấp số *người đi ăn đong*.

Trên thị-trường thóc-gạo, *người mua* sẽ nhiều thêm mà *người bán* thì vắt đi.

Rồi theo luật cung-cầu, giá thóc gạo sẽ tăng bội lên.

Mà để ngăn cản sự tăng giá không phải mươi vạn tấn thóc để tại các kho-trữ đủ làm một lợi khí hiệu-nghiệm được.

Tuy số thóc gạo để giải giác trong dân gian hay trong kho-trữ của chính-phủ trước sau vẫn đại-để có chừng ấy — nhưng khi trên thị trường có nhiều người sô đẩy nhau đi mua thì những tư nhân còn nhiều thóc gạo lại càng tìm cách dấu kín đi — hoặc để đợi lúc giá thóc gạo tăng thêm nữa mới bán, hoặc để phòng bị những lúc thiếu-thốn hay đói kém mà họ tưởng tượng ra.

Việc lập các kho-trữ phòng-bị là một công việc hay và, trong tình thế này, là một việc cần.

Đó là một cách giải quyết sự cung-cấp thứ thực-phẩm tối-yếu cho một phần dân chúng ; đó là một cách đề-phòng có hiệu-nghiệm sự thiếu-thốn trong thời kỳ chiến tranh.

Nhưng muốn cho phương-pháp đó có ảnh-hưởng hay đến giá thóc-gạo thì không thể dùng cách quân-phân về điền-mẫu hay mua thóc của các tiểu-điền-chủ được.

∴

Tất cả những điều bất lợi trên đây sẽ tránh được, nếu đáng nhẽ để cho mua thóc của các tiểu-điền chủ thì chính-phủ bắt buộc các tỉnh

(Xem tiếp tsang sau)

(1). Hãy xem nghị định quan Thống sứ Bắc-kỳ *21 Mai 1943* định giá thóc là 14$50 một tạ và giá gạo là 26$ một tạ bán tại nơi sản xuất ; ba nghị định ngày *31 Mai 1943* của quan Toàn quyền Đông-dương bắt những người có từ 2 tấn thóc trở lên phải khai, cấm xuất cảng gạo ra khỏi Bắc kỳ và định lệ cho sự bán gạo tại trong xứ.

(1) Xem *Gourou* l'utilisation du sol en Indochine tr. 245 và *Thanh Nghị* Décembre 1941 (số đặc-biệt về kinh-tế)

ở Bắc-kỳ thi hành đúng lệnh của chính phủ đã ra, *là chỉ bắt các đại-điền-chủ bán thóc vào kho trữ công.*

Luật-pháp hiện hành công-nhận cho chính phủ rất nhiều quyền — cả quyền trưng phát (réquisitionner) tài sản của tư nhân — để đối phó với tình thế. Trường hợp này tức là trường hợp dùng đến quyền đó.

Là những người hiểu biết quyền-lợi của mình và trực-tiếp được với các viên-chức cao cấp, các đại-điền-chủ có thể giúp một cách hiệu nghiệm để tránh những sự nhũng lạm, sa sầy đáng tiếc.

Không những thế, hàng năm thu được một số thóc quá sự nhu-cần của mình và gia-đình mình, những đại-điền-chủ vốn đã là những người bán và trữ thóc. Nếu bây giờ chính-phủ có mua thóc của họ để cho vào kho trữ công, chẳng qua cũng chỉ *là thay đổi người đứng quản-lĩnh những kho trữ đã có sẵn mà thôi.*

Sự đổi thay ấy không làm thay đổi số người mua và người bán trên thị-trường và không làm cho giá thóc gạo lên cao.

Thật ra, các đại-điền-chủ cũng không ngại sự bán thóc cho chính phủ. Điều mà họ ngại chính là *sự chênh lệch của giá nhà nước với giá họ hy vọng sẽ bán được.*

Nhưng ta không nên quên rằng sự chênh lệch kia chỉ có thể dám đi mà không làm sao cho mất hẳn được: nếu giá thóc bán ở chợ cũng bằng giá phải chăng nhà nước định thì kho-trữ phòng-bị còn có ích gì, mà chính phủ còn cần gì phải lo đến việc mua thóc để bán cho dân nữa?

Giá ruộng đất bây giờ so với giá trước hồi chiến-tranh có nơi tăng gấp rưỡi, có nơi tăng gấp hai, gấp ba hay hơn nữa. Các chủ ruộng được hưởng một thứ « thặng-dư giá trị» (plus-value) hoàn toàn do tình thế gây ra. Vẫn hay rằng cái giá trị ấy chỉ có *danh* mà không có thực, vì *sức mua* của đồng tiền bây giờ kém trước nhiều. Nhưng ta hãy nghĩ đến các viên-chức, các người lao-động, các dân quê nghèo phải mất bao nhiêu ngày tháng, chịu bao nhiêu phần thiếu thốn mới để dành được một phần nhỏ số vốn của các đại-điền-chủ — và của các nhà buôn mà sau này sẽ có dịp nói đến — thì ta thấy các đại điền-chủ đã may mắn là chừng nào!

Giá ruộng đất đã tăng gấp, các đại-điền-chủ còn được lợi hơn các địa-chủ ở các thành phố là cho tới nghị-định quan Thống-sứ 21 Mai 1943 vừa rồi không bị luật pháp bó buộc và hạn chế số lợi, tức hàng tháng hay hàng năm.

Trong khi giá nhà bị cấm không được cao hơn năm 1938 20 hay 25 phần trăm — giá cho thuê ruộng và giá thóc thật ra vẫn được tự-do.

Theo lệ cho cấy lĩnh canh ở đây — là lối thường dùng để khẩn các ấp và đồn-điền to — người có ruộng được một nửa hoa-mầu, tức là trung-bình, thu được từ 200 đến 350 cân thóc một mẫu mỗi vụ. Trước hồi chiến-tranh hay bây giờ-trừ những khi mất mùa không kể, còn số thóc thu được vẫn như thế; mà giá thóc thì từ cuối năm 1941 đến bây giờ đã tăng gấp hai ba lần rồi

Vậy nhà nước có mua thóc của các điền-chủ bằng một giá phải chăng chẳng qua chỉ làm cho họ mất một phần số lợi-tức thặng-dư của họ mà thôi.

Về phương diện xã hội, đó là một điều công bằng.

Nhưng ta không nên quên rằng đại-điền chủ, cũng như mọi người khác hàng năm cần một số gạo thóc tối-thiểu cho mình và gia đình mình; và trong các đại-điền-chủ, cũng chia ra nhiều hạng mà người càng có nhiều ruộng bao nhiêu thì số lợi tức « thặng-dư » càng cao bấy nhiêu.

Vì thế muốn giữ cho công-bằng, cần phải miễn trừ một số ruộng không phải bán thóc; đó là số ruộng đủ cung-cấp số thóc dùng để ăn cho một gia-đình trung-bình và làm thóc giống cho vụ sau. Trên số miễn trừ ấy, để định số thóc bắt buộc phải bán cho kho-trữ, cần phải dùng cách *tích-lũy* (système progressif): thí dụ từ 10 đến 20 mẫu thì bán 1 tạ 5 một mẫu; từ 20 đến 50 mẫu thì bán 2 tạ một mẫu; từ 50 đến 100: bán 2 tạ 5, trên 100 bán 3 tạ v. v.

(Xem tiếp trang 29)

NHÀ SÁCH

NGUYỄN KHÁNH ĐÀM

Số 12, *phố Sabourin*, Saigon

NHẬN ĐÓNG SÁCH

ĐỦ CÁC KIỂU ĐẸP VÀ TRANG NHÃ

MỘT CUỘC ĐIỀU-TRA VỀ TIỂU CÔNG-NGHỆ ĐÔNG-DƯƠNG

VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG bài « Tình-hình tiểu-công-nghệ Đông-Dương trong hai năm vừa qua» đăng ở T. N. số 35 (16 avril 1943), tôi đã nói đến sự cần thiết của một cuộc điều-tra về tiểu-công-nghệ. Tôi nhắc lại đoạn ấy :

« Cần phải biết rõ tình-hình hiện thời của các công-nghệ mới và cũ, số người hoạt động trong mỗi nghề ở mỗi khu vực, số hàng sản xuất hàng tháng, sức sản xuất của mỗi nhà công nghệ, lượng số và nơi xuất sản nguyên liệu cần dùng, số hàng tiêu thụ. Những tài liệu ấy sẽ cho thấy sự quan trọng về phương diện kinh-tế và xã-hội của mỗi nghề cũ và mới, sẽ cho thấy những nghề mới nào có hậu vận, phải được khuyến khích, có những nghề cũ nào suy bại nhưng không thể để tiêu-diệt mà phải cải thiện và nâng đỡ. Ở Bắc-kỳ đã có từ hai năm nay một ban tiểu-công-nghệ và tới đây sẽ lập những tiểu-ban địa-phương. Chúng tôi mong, ngoài việc tìm tòi và tiến-tục với những nhà công-nghệ mới, những ban này sẽ khảo sát cận kẽ các nghề và thu thập những tài liệu, nhất là những con số. Việc khảo sát ấy không những chỉ thực-hành trong các công-nghệ mới mà lại còn thực-hành trong các công-nghệ cổ-điển của ta: do mới thực là phân chính. Một cuộc điều tra như thế làm cẩn thận theo một phương-pháp khoa-học, thì thực quy già không biết chừng nào. Nó dự bị cho việc tổ-chức một chương trình khuyếch trương tiểu-công-nghệ »

Vừa mong ước như thế, thì gần đây, giở số « Đông Dương kinh-tế tập-san » tháng Mai 1943 (1) do nha kinh-tế Đông-Dương xuất-bản chúng tôi vui mừng thấy có đăng « bản điều-tra tổng quát về tiểu công-nghệ Đông-Dương (2) mà sở Thanh-tra khoáng-chất và kỹ-nghệ (phòng Tiểu-công-nghệ) công bố sau khi dàn xếp những tài-liệu đã thu thập được trong cuộc tổng điều-tra tổ-chức vào khoảng cuối năm 1941 theo từng địa-phương và từng ngành công-nghệ.

Trước cuộc điều-tra này, đã có vài cuộc điều-tra phạm-vi nhỏ hơn, do tư-nhân điều khiển với sự giúp sức của các nhà đương-chức : cuộc điều tra của Ông Robequain ở vùng Thanh-hoa làm năm 1928 và của ông Gourou làm năm 1935 ở miền Trung-châu Bắc-kỳ. Ai ta nghĩ rằng cuộc điều-tra mới này bao quát cả toàn-xứ Đông Dương và do chính-phủ chủ-trương nghĩa là bằng những phương tiện tất nhiên đầy đủ hơn của tư-nhân, thì ta có thể đợi đến những kết quả quan trọng sẽ giúp ích cho những nhà chuyên môn khảo sát về vấn-đề tiểu-công-nghệ và sẽ dự bị những cải cách kinh-tế thích hợp với thực-sự.

Kết quả của cuộc điều-tra ấy như thế nào ? Và giá-trị của những kết quả ấy như thế nào ? Đó là hai điều ta muốn biết.

Trước hết, cũng như ông Gourou khi xưa, các nhà chủ trương cuộc điều tra mới này đã nhận thấy một điều khó khăn rất lớn. Ấy là việc định rõ thế nào là một người thợ công-nghệ. Theo sắc lệnh ngày 27 Juillet 1942, tên gọi ấy áp dụng cho tất cả những người trên 18 tuổi làm việc ở một xưởng thợ có dưới mười người thợ.. Nếu người ta chỉ tính những người xuất nam chuyên việc làm thợ, thì sự điều-tra có phần dễ dàng và những con số tìm được cũng có phần chắc chắn, nhưng kết quả cuộc điều tra sẽ không xác thực vì số người xuất nam chuyên việc làm thợ không được

(1) Bulletin économique de l'Indochine 1943 — fascicule I

(2) Enquête générale sur l'artisanat indochinois

MỘT CUỘC ĐIỀU TRA VỀ TIỂU CÔNG-NGHỆ ĐÔNG-DƯƠNG

nhiều lắm so với tổng lượng sự hoạt động công-nghệ. Ở nhà quê xứ ta đa số dân thợ vừa làm một nghề thủ-công lại vừa làm công việc cày cấy. Thường thường dân quê làm ruộng coi công-nghệ như một nghề tay trái một kế sinh nhai dùng đến trong những ngày rỗi rãi. Số thì giờ mà bọn này đề vào việc hoạt động công-nghệ, nhiều ít rất khác nhau tùy người, tùy nơi, tùy lúc. Vậy cuộc điều tra sẽ kể những hạng thợ dùng một số thì giờ là bao nhiêu vào các nghề thủ công, và làm thế nào để phân biệt rõ ràng hạng thợ định kiểm tra trong một vùng nào đó? Nếu tính tất cả mọi người hoạt động về công nghệ, hoặc luôn luôn, hoặc thường thường, hoặc năm ba tháng trong một năm, hoặc thỉnh thoảng, thì những con số tra được sẽ cho ta một ý-niệm quá sự thực về sự hoạt động kinh-tế trong xứ. Phải bỏ bớt một vài hạng thợ. Những hạng nào? Thực là khó mà quyết định theo một nguyên tắc hợp lý.

Người ta đã nghĩ, đó là ý kiến của tác-giả bài đăng trong tập san kinh-tế nói trên, — có nhẽ nên dùng một bản-vị (étalon) khác, ngày làm việc chẳng hạn, để tính lượng số hoạt động công-nghệ. « Chỉ cần chia tổng số hàng sản-xuất hoặc tổng số nguyên-liệu đã dùng trong một năm, với số hàng mà tính đồ đồng mỗi người sản xuất được trong một ngày, thì ta sẽ thấy số ngày làm việc để tính đại khái số thợ luôn luôn hoạt động về công-nghệ. Con số này tất nhiên không đúng sự thực nhưng có lợi là cho ta biết xác thực sự hoạt động về công-nghệ ». (1)

Song lối điều tra ấy công phu lắm vì muốn biết tổng số hàng sản xuất hàng năm trong một ngành công-nghệ, hoặc số nguyên-liệu đã dùng, không phải là một chuyện dễ dàng. Lối ấy chỉ có thể thực hành được trong những nghề dùng đến nguyên-liệu nhập cảng hoặc khi nào tất cả hàng sản xuất đều đem bán ra ngoài, vì xưa nay chỉ có việc buôn bán với nước ngoài mới do chính-phủ kiểm sát. Đối với các nghề khác, muốn biết tổng số hàng sản xuất hàng năm trong một nghề hoặc số nguyên-liệu đã dùng, tất phải bằng vào những lời khai của mỗi người thợ. Như vậy không những mất nhiều công phu chịu nhiều sự sai nhầm do những nhời khai gian hay không đúng sự thực, — mà phương-pháp điều-tra lại còn luẩn quẩn nữa, vì người ta vẫn bằng vào số người làm việc để lượng tính sự hoạt động về công-nghệ; nghĩa là vẫn dùng phương-pháp cũ!

Cho nên cuộc điều tra vừa làm xong vẫn theo phương pháp cổ-điển, nghĩa là « kiểm điểm số thợ công nghệ đã dùng tất cả hoặc một phần lớn thì giờ vào một nghề thủ-công. Như vậy người ta đã mong có thể lượng được một cách gần xác thực sự quan-trọng của tiểu-công-nghệ về phương diện kinh-tế. Trong một vài nghề, những tài liệu về số hàng sản xuất hoặc giá hàng sản xuất hoặc số nguyên-liệu cần đến, dùng để kiểm sát và đính chính những những con số đã điều tra được ». (1)

Dưới đây là hai bảng biên những kết quả của cuộc điều tra, bảng trên kê số dân thợ hoạt động trong mỗi ngành công-nghệ và mỗi xứ Đông-dương, trừ xứ Lào mà tiểu-công-nghệ hầu như không có, bảng dưới kê số tiền thu hoạch về hàng sản xuất.

BẢNG I. — Dân-số công-nghệ

CÔNG NGHỆ	Bắc-kỳ	Trung-kỳ	Nam-kỳ	Cao-mên	Đông-dương
Thực phẩm	1 300	8.600	1.700	80	12.400
Dệt vải	70.500	11.600	3.100	3.000	106.800
Dệt lụa	14.500	4.100			
Dệt đay và gai	6.800				6.800
Đan thúng, bao, chiếu...	11 300	5.400	46 800	6.900	71.400
Đồ bằng da	600		800		1.400
Đồ gỗ	4 500	1.600	2 600	500	9.200
Đồ sành, đồ sứ	4.300	1.600	900	2.600	9.400
Đồ kim khí	1.700	1.300	1.500	300	4.80
Than củi				4.800	4.800
Xa xỉ phẩm	2.100	200	1.000	400	3.700
Linh tinh	2.200	2.400	1.800	1.300	7.700
Tổng cộng	120800	36.800	60.200	20.600	238.400

(1) B. E. 1943 — I. P. 58

BẢNG II. — Số thu hoạch về hàng sản xuất

(Tính theo hàng ngàn bạc)

CÔNG NGHỆ	Bắc-kỳ	Trung-kỳ	Nam-kỳ	Cao-mên	Đông-dương
Thực phẩm	950	24.550	2.300	140	7.940
Dệt vải	11.600	880	970	260	22 140
Dệt lụa	3 000	1.030			
Dệt đay và gai	250				250
Đan thúng, bao, chiếu...	650	210	1 140	90	2 090
Đồ bằng da	800		400		1 200
Đồ gỗ	1.200	330	1 000	50	2 580
Đồ sành, đồ sứ	1.500	270	70	280	2 120
Đồ kim khí	900	230	530	60	1.720
Than củi				520	520
Xa xỉ phẩm	750	170	900	90	1 910
Linh tinh	7 700	630	630	270	2.230
Tổng cộng	26.700	8.300	7.940	1.760	44.70

Kể thực ra những con số trên, người chủ trương cuộc điều-tra này cũng công nhận là không có một giá-trị tuyệt đối và nhiều con số cần phải sửa chữa lại. Cuộc điều-tra đã gồm những nghề mà đáng lý ra phải coi là thuộc vào hạng tiểu-kỹ-nghệ như nghề cất rượu hay xay lúa ở Nam-kỳ, nghề rang chè ở vùng Phú-Thọ (Bắc-kỳ) hoạt động trong những xưởng dùng từng hàng trăm nhân-công. Lại có những nghề bỏ sót không kiểm điểm, phần nhiều là những công-nghệ hoạt động ở các tỉnh thành. Ở đây nhiều khi người ta chỉ đếm tên những chủ xưởng thợ trong sổ môn bài, mà không tính số thợ làm việc trong các xưởng ấy.

Về các nghề làm thực-phẩm ở Bắc-kỳ mà người ta chỉ khảo đến hai nghề: nghề rang chè ở Phú-thọ, Thái-nguyên và nghề ép dầu lạc cho là hai nghề quan trọng nhất thì thực là người ta đã quên hẳn một nghề có nhẽ không quan trọng về số thu hoạch nhưng sự quan trọng thì hiển nhiên khi xét đến số người hoạt động. Tôi muốn nói đến nghề hàng sáo tức là nghề xay lúa giã gạo, vay vốn (tức là thóc) của các chủ thóc, làm gạo bán thu tiền trả, thường thường không có lãi chỉ được lời ở chỗ tấm và cám còn lại. Ta cứ nghĩ rằng ở Bắc-kỳ và Trung kỳ không có nhà máy xay gạo (1) và tất cả số gạo ăn đều do các hàng sáo làm ra thì ta đủ biết số thợ làm nghề này không phải là nhỏ. Trong cuốn sách « Dân quê ở miền Trung châu Bắc kỳ » ông Gouron đã nói tới con số 37.000 người làm nghề hàng sáo riêng trong miền Trung-châu Bắc-kỳ.

Sau khi đã sửa chữa chỗ sai nhầm đã nhận thấy, như bỏ những hoạt động thuộc về tiểu kỹ-nghệ, tính phỏng chừng số thợ công nghệ ở các tỉnh thành theo những con số của vùng Saigon Cholon mà việc kiểm điểm đã được cặn kẽ, thay đổi những con số thuộc về một vài nghề đã được điều-tra riêng người ta đã ghi những kết quả sau này:

BẢNG III —	Dân-số công-nghệ	Số thu hoạch
Bắc-kỳ	*171.500*	*30.170.000*
Trung-kỳ	*45.300*	*8.300.000*
Nam-kỳ	*60.600*	*6.910.000*
Cao-Mên	*22.000*	*1.820.000*
Đông-Dương	*299.400*	*47.200.000*

Đọc những con số biên trong các bảng ghi kết quả cuộc điều tra, ta nhận thấy mấy điều quan trọng.

1°) Trước hết để xét địa vị của tiểu công nghệ trong nền kinh tế Đông Dương, ta thử so sánh một vài con số. Dân số Đông Dương hiện thời vào khoảng 24 triệu. Vậy tỉ số dân công nghệ (non 300 000 người) với tổng số dân Đông Dương là 1,25%, nghĩa là 1000 người dân thì mới có 12, 13 người thợ; còn trong 1000 người dân thì có chừng 42 người làm ruộng (3). Trong số 24 triệu dân ở Đông Dương, số dân hoạt động về kinh tế có chừng 12 triệu (2) và số dân làm ruộng chừng 10 triệu (3). Vậy tỉ số dân thợ công

(1) Có một nhà máy ở Haidương nhưng số gạo xay không được là bao.

(2) Những con số này tính phỏng chừng theo một con số mượn của tác giả cuốn: « Les paysans du Delta Tonkinois » Ô Gourou nói ở Bắc kỳ có 3 triệu 63 vạn người hoạt động về kinh tế. Cứ biết dân số Bắc kỳ năm 1930 là 7 triệu 40 vạn, theo bản thống kê của chính phủ. Như vậy thì tỉ số dân hoạt động về kinh tế với tổng số dân Bắc kỳ là non một nửa. Số dân hoạt động về kinh tế trong cả xứ Đông Dương có thể tính là 12 triệu.

(3) Annuaire statistique de l'Indochine 1931-1932

nghệ với tổng số dân hoạt động về kinh tế là 2,5%, và nếu so sánh số dân thợ công nghệ với dân làm ruộng thì tỉ số là 3%. nghĩa là số dân làm ruộng gấp quá 33 lần số dân làm công nghệ.

Theo những bảng thống kê của chính phủ thì có độ 150.000 người thợ kỹ nghệ (50.000 thợ mỏ và 100.000 thợ các kỹ nghệ khác).

Xem như vậy thì cả thợ công nghệ lẫn thợ kỹ nghệ chỉ chiếm một con số nhỏ là 450.000 người đối với 10.000.000 dân làm ruộng. Sự so sánh ấy cho ta thấy rõ nền kinh tế Đông Dương vẫn còn ở giai đoạn nông nghiệp. Nếu ta lại so sánh số thợ công nghệ với số thợ kỹ nghệ thì ta thấy sự quan trọng của Tiểu công nghệ trong cuộc sinh hoạt của dân Đông Dương, nhất là ta lại nhớ rằng ngoài con số 300.000 gồm những thợ công nghệ dùng tất cả thì giờ hoặc đa số thì giờ vào các nghề thủ công, còn rất nhiều dân cánh nông vẫn thường dùng ít nhiều ngày tháng làm cái nghề phụ ấy để kiếm ăn lần hồi trong khi đợi mùa gặt hái.

2°) Xét Bảng I, ta thấy có hai nghề quan trọng nhất về số người làm các nghề ấy, cách xa hẳn các nghề khác. Đó là: nghề dệt chiếm 117.600 người trong tổng số 238.400 nghĩa là 50%. và nghề đan thúng, mủng, bao, chiếu,... chiếm 71.400 người nghĩa là 30%. Các nghề khác chỉ có: 5% , — 4%., — 3%., — 1%. v. v. Bản tường trình về cuộc điều tra cho ta biết tình hình nghề dệt là nghề thủ công căn bản của dân quê.

«Vì thiếu nguyên liệu (bông nhập cảng), trong 150.000 thợ dệt ở nhà quê hiện nay chỉ có 45 nghìn người, nghĩa là chưa đầy 1 phần 3, được cấp một phần số sợi cần dùng». Nếu ta phỏng chừng một phần số sợi cần dùng tức là một phần ba và nếu ta lại nhớ rằng «cuộc điều tra mở vào cuối năm 1941 nghĩa là hồi đó số thợ dệt cửi đã kém trước rồi vì nguyên liệu đã bắt đầu thiếu thốn» thì ta có thể nói là sự hoạt động về canh cửi chỉ còn là một phần 10 hồi trước mà chắc không xa sự thực mấy.

Dưới đây là vài con số tôi đã điều tra được về tình hình nghề dệt cửi ở vài làng trong địa hạt Hà đông hồi tháng Mars 1943 để viết bài: «Tình hình tiểu công nghệ Đông Dương trong hai năm vừa qua» (T. N. số 16 Avril 1943). Ta sẽ thấy những con số đó phù hợp với điều nhận xét trên kia. (1)

Ở làng Triều Khúc, từ năm 1930 đến nay có 580 khung cửi dệt khăn mặt, hiện bây giờ chỉ còn có 60 khung làm việc. Những khung cửi làm việc trước kia mỗi tháng dệt được 600 cái khăn mặt, bây giờ mỗi khung dệt được 300 cái. Nghĩa là sự hoạt động chỉ còn một phần 20 trước kia.

Dưới đây là hiện tình nghề dệt ở các làng khác:

TÊN LÀNG	Số khung cửi làm việc		Số hàng dệt trg 1 th.		Tỷ số sự hoạt động
	trước kia	bây giờ	trước kia	bây giờ	
			chiếc khăn mặt		
Triều-khúc *phủ Thanh-oai*	580	60	600	300	1/20
Phương-trung *phủ Thanh-oai*	35	10	600	300	1/7
			tấm vải		
La-phù *phủ Hoài-đức*	700	230	25	3	1/25
Yên-vĩnh *h. Đan-phượng*	200	20	25	16	1/16

Nghề dệt lụa cũng bị sút kém, song không bị kém nhiều như nghề dệt vải vì số người dệt lụa xưa nay vẫn ít hơn số người dệt vải và nguyên liệu (tơ tằm nội hóa hoặc mua của Tàu, tơ nhân tạo nhập cảng) không bị khan quá quắt như sợi. Dưới đây là hiện tình nghề dệt lụa ở vài làng trong địa hạt Hà đông:

TÊN LÀNG	Số khung-cửi làm việc		Số hàng dệt trg 1 th.		Tỷ số dự hoạt động
	trước kia	bây giờ	trước kia	bây giờ	
La-phù *phủ Hoài-đức*	300	120	?	?	1/2?
Vạn-phúc *phủ Hoài-đức*	700	400	?	300 thước	4/7?
La-nội	850	500	18 tấm	12 tấm	2/5

Nghề dệt cửi thật ở trong một tình thế nguy khốn. Nếu ta nghĩ rằng nghề dệt chiếm 50%. số thợ ở Đông Dương thì ta phải nhận rằng «chính sự thiếu nguyên liệu đang rình làm tê liệt tất cả nền tiểu công nghệ» (2). Ta lại thấy rằng việc giồng các cây lấy sợi là một điều kiện thiết yếu của một công cuộc khuyếch trương công-nghệ.

---

(1) Những con số này vì một lẽ riêng không đăng được trong bài trước.

(2) Mais c'est surtout la pénurie de matières premières qui menace d'asphyxie le système tout entier. (B.E.—1943-I)

Nghề quan trọng thứ hai là nghề đan thúng mủng, bao, chiếu.., chiếm 30·l. số dân làm công nghệ Song xét đến Bảng II, ta nhận thấy điều này, đáng quan ngại.

Số là nghề dệt cửi chiếm 50·l. tổng số dân thợ thì số tiền thu hoạch về việc sản xuất (22.140.000$) so với tổng số thu hoạch của các nghề (44.700.000$) cũng vào khoảng 50·l.; nhưng số thu hoạch của nghề đan chỉ có 2.690.000$ nghĩa là bằng 4,5·l. tổng số thu hoạch, mà số thợ làm nghề ấy lại chiếm những 30·l. tổng số dân thợ! Đem chia số tiền thu được với số người làm nghề đan thì ta thấy hàng tháng mỗi người thợ thu được 2đ30 chưa tính tiền vốn. Tiền lãi có bằng nửa tiền bán thì mỗi người thợ mới được hưởng mỗi tháng một số lãi là 1đ15 để sinh sống. Ông Gourou hồi 1930 đã tính một người đan bị cói làm việc xuốt ngày đêm chỉ kiếm được ba xu lãi nghĩa là một tháng : 0đ90. Hai con số có thể tương hợp nếu ta nhớ thời giá năm 1941 so với năm 1930 đã cao lên.

Xem thế thì nghề đan ở vào cảnh nghèo nàn vô cùng, tuy nó là nghề của một số rất đông dân quê.

3·) Với tổng số thu hoạch hàng năm về tất cả hàng sản xuất 47.200.000đ và tổng số dân công nghệ, 299.400 người, (Bảng III) thì ta tính được mỗi người thợ thợ được mỗi tháng chừng 13đ cả vốn lẫn lãi. Nếu tiền lãi đỡ đồng được là 25·l. giá bán thì mỗi tháng mỗi người thợ kiếm được 3đ25 lãi để ăn tiêu. Số tiền tuy nhỏ nhưng kể cũng là một mối lợi tức đủ sống cho dân quê khi mỗi tạ gạo giá 12, 13đ (1941).

Ta thử so sánh lợi tức của dân thợ với lợi tức của nông nhân cùng một thời ấy. Số thóc của Đông Dương sản xuất trong năm 1939 là 7. triệu tấn (1) Vì dụ số đó đến năm 1941 vẫn thế thì số tiền thu hoạch của nhà nông về thóc gạo là 80đ × 7.000.000 = 560.000.000đ (2) ; vậy mỗi người dân cày cấy thu được hàng tháng số tiền là 4đ70. Nếu tiền lãi là 50·l. giá bán thì số lãi họ được hưởng là 2đ35; có thêm vào đấy số lời lợi về các nông sản khác, thì ta cũng thấy số lợi tức của một người dân làm ruộng ở Đông dương cũng không tấy gì làm đồ sộ cho lắm, có khi kém số lợi tức của dân thợ công nghệ. Thêm một chứng cớ cho ta thấy sự cần thiết của một chương trình khuyếch trương công nghệ và kỹ nghệ để nâng cao trình độ sinh hoạt của dân quê.

. . .

Ta có thể theo những kết quả của cuộc điều tra to lớn mà nha kinh tế vừa công bố để suy luận được nhiều điều quan hệ về kinh tế và xã hội. Tuy nhiên ta phải dè dặt về những điều kết luận vì những con số đã ghi trong các bảng ở trên chỉ có một giá trị rất tương đối. Chính người chủ trương cuộc điều tra đã tuyên bố như thế. Vì « thực ra phương pháp điều tra đã dùng không được tốt gì. Người ta phải dùng nó vì không thể làm khác được . *Dưới quyền các ông Thống đốc, Thống Sứ và Khâm Sứ, các quan chức đầu tỉnh điều khiển cuộc điều tra ; các ông này chia công việc cho các ông phủ huyện châu ; các ông phủ, huyện, châu bằng vào nhời khai của lý trưởng và kỳ dịch các làng:* « những viên này hoặc vì dốt nát, hoặc vì nghi kỵ, hoặc vì cẩu thả, thường không giả nhời những câu hỏi được rành mạch và đúng sự thực ».

« Muốn tới kết quả chắc chắn, *phải đặt ở mỗi tỉnh một ban chuyên môn điều tra*; những nhân viên trong ban này đi từ làng nọ sang làng kia và kiểm điểm số thợ cùng sức sản xuất từng người từ nhà này sang nhà khác» *Đó cũng là ý của chúng tôi, nói trong bài « Tình hình tiểu công nghệ...» (T. N. số 16 avril 1943) khi ban đến chức vụ của Ban tiểu công nghệ Bắc kỳ và các tiểu ban các tỉnh vừa thanh lập. (xem đoạn mở đầu bai này)*

Nói cho đúng, một cuộc điều tra tổ chức như thế phải mất nhiều công và nhiều phí tổn. Song sự cần thiết của công việc sẽ xứng đáng với những công phu và hy sinh về tiền tài. Có người nói lúc này không thuận lợi cho một cuộc kiểm điểm về dân số công nghệ vì nó sẽ thay đổi luôn luôn. Song chúng tôi nghĩ, mặc dầu nó có thay đổi và mình phải sửa chữa luôn luôn, những tài liệu xác thực về số nhân công mỗi nghề, sức sản xuất của mỗi người, số hàng sản xuất và tiêu thụ, số nguyên liệu phải dùng v... v... là là những tài liệu quý giá vô chừng, nhất là trong lúc này mà một chính sách kinh tế cần phải thiết lập, nếu không thì một cuộc hỗn độn kinh tế sẽ không thể tránh được sau tình thế đặc biệt này. Đó là câu kết luận bài trước mà tôi nhắc lại ở đây.

VŨ DÌNH HÒE

---

(1) Theo tài liệu của sở Canh nông công bố trong kỳ hội chợ Hanoi 1941.

(2) Theo tập «Résumé statisque relatif aux années 1913 à 1940» thì giá thóc năm 1940 là 7đ56 một tạ.

NHÂN NGÀY GIỖ ĐẦU THẠCH LAM

tính cách tạo tác của Thạch-Lam

THẾ-LỮ'

NGÀY tháng không làm nguôi được nhớ tiếc trong lòng các bạn hữu . hạch Lam Sự thương đau bột động ban đầu chìm lặng đi để thành thấm thía mãi mãi càng ngà- càng đặm thêm, sâu thêm. Thạch Lam vẫn hiển hoạt trong tâm tưởng của chung tôi, trong câu chuyện khi chúng tôi có dịp gap nhau bất cứ lúc nào, và trong bất cứ dịp hội họp nào cũng có một lời nói làm cho Thạch Lam như « có mặt » ở đo. Ở ngoài số người thân mật, vây quanh mình Thạch Lam hồi anh còn sống một tình yêu trọng chân thành, và khi mất anh thêm khang khít với nhau vì có chung nhiều kỷ - niệm quý báu, tôi thường được yên ủi vì những lời mến mộ của nhiều bạn văn khác khi nhắc đến cái tài rõ rệt, mạnh mẽ, chững chạc trong sự ít ỏi của việc trước tác, và bền vững vì chỉ là tinh-túy của tình cảm *thực* diễn thành văn...,

* * *

Nay nhân ngày giỗ đầu Thạch Lam tôi xin nhắc lại một vài kỷ-niệm để các bạn đọc chú ý đến tính cách tạo tác của nhà van-sĩ.

Thạch Lam thuộc vào số nghệ sĩ không cần sửa soạn công phu trước khi khởi công. Anh ít khi phải làm lại những đoạn đã thành hình và không bao giờ đặt khuôn khổ nền móng cho một chuyện, một đoạn thiên hay một tiểu thuyết. Vậy mà thạch Lam là nhà văn rất thận trọng: tìm lối diễn thuật thích đáng, về lời, về thể, về âm hưởng của việt-ngữ nữa bao giờ cũng là sự quan- âm tha thiết và có khi đau đớn của nhà văn - sĩ này. Nhưng Thạch Lam là người trầm lặng, bao nhiêu băn khoăn về nghệ thuật, bao nhiêu tư tưởng, cũng như bao nhiêu tình cảm, rung - động, lúc nào cũng chứa chất dồi dào trong tâm trí: cái kho tàng cuộc sống bên trong ấy rất sẵn châu báu mà chỉ cầm đến bút Thạch Lam đã thấy dàn xếp theo hình thể của *lời*.

Thạch Lam không bao giờ phải tìm « đầu đề » phải tìm câu chuyện ». Một ý chợt đến, một việc chợt xảy ra, một hình sắc chợt đề mắt tới, một hương vị thoáng qua, thế là cả một đoạn đời sống súc tích rung động và nồi dậy. Về dịu mát của màu xanh cây một buổi nhìn ra ngoài đường nắng đưa trí nghĩ tới vườn lá của một đoạn tuổi thơ quê nhà. Tôi được nghe Thạch Lam gợi lên những kỷ niệm ngày còn nhỏ của anh trước mấy ngày anh viết bài « TRỞ VỀ » trong đó ta thấy sáng gay gắt làm âm thầm thêm bóng cây lá. Khái hưng trong bài tựa Gio Đầu Mùa nhận thấy rõ những duyên do xuc động của Thạch Lam trong nhiều đoạn ở tập sách này. Chính Thạch Lam cũng thường nói riêng tôi rằng cái « LÒNG QUÊ HƯƠNG » là niềm nhớ qua vãng vân mãi mãi sống cùng hiện tại ở trong anh. Đo là lời thú thực của một người nặng tình có nhiều lúc muốn thoát khỏi những giây vương. Không có một sáng tác nào của Thạch Lam mà không có rất nhiều Thạch Lam trong đó. Gió bụi xa xưa, hương ruộng lúa, mùi dạ phơi, tiếng lá tre rào rét, thứ bóng tối uất ức nhẫn nại của đời thôn quê dưới mái lá nát, hay những đêm sâu điềm trống huyện, những buổi sáng trăng dặt dìu, từ sự thực lầm lội đến cảnh êm dịu mơ màng, không một tình nào trạng nào ta thấy ở những trang châu báu còn lại cho chúng ta kia, không làm cho Thạch Lam cảm động đê mê từ bao nhiêu tháng năm trước. Cả đến những « chuyện ngắn » viết nên vì phải có cho một kỳ báo, cả đến những văn phẩm mà người ta gọi là gượng ép, ở Thạch Lam cũng là một công trình đôn hậu dồi dao. Trong những dịp làm việc chung với nhau, nhiều lần tôi được thấy Thạch Lam túng bấn trước cái hạn 12 giờ phải đưa chuyện ngắn cho báo. Gặp những lúc vội vàng ấy tôi ở địa vị anh tất lo sợ để rồi sau cùng quyết định sai hẹn. Thạch Lam thì không. Cái người tối hôm trước tả lời tôi rằng chưa biết viết gì, sáng hôm sau đã cho tôi cảm động vì một tập truyện viết đều hàng; nét chữ nhỏ và nhanh, câu văn thắm đẫm những cảnh tình thấm thiết bày dãi trên trang hoặc đĩnh đạc ung dung, hoặc say mê áo não. Những giòng

(*Xem tiếp trang 27*)

A Q CHÍNH TRUYỆN

ĐẶNG THAI MAI dịch

(Tiếp theo)

ĐÊM hôm 14, tháng 9, niên-hiệu Tuyên-Thống năm thứ ba — Tức là hôm Ả Q bán cái ruột-tượng cho chú Triệu bạch Nhãn — vào hồi canh ba, lúc bốn giờ, một chiếc thuyền ván khá to, dương cánh buồm đen, ghé vào làng, trên bến sông nhà họ Triệu. Con thuyền lướt vào bến giữa lúc đêm khuya, giời tối mò mò. Dân làng hồi này đều ngủ chín không ai biết. Mãi đến gần sáng, mới có mấy người trông thấy. Sau lúc đã dò la, thầm-thì, thầm-thụt cùng nhau khá lâu, kết quả cuộc điều-tra người ta biết rằng: chính là thuyền cụ Cử tỉnh vừa về đấy hồi hôm.

Con thuyền nhà Cụ Cử đã chở đến làng Mùi một tin tức nguy ngập hết sức. Chưa đứng trưa, nhân-tâm cả làng đã nôn nao hẳn lên. Sứ mạng con thuyền nhà họ triệu giữ kín. Thế mà từ quán rượu cho đến tiệm trà, người ta đều đồn rầy lên rằng: đảng cách mạng sắp vào tỉnh, vì vậy nên Cụ Cử đã về làng ta. lánh nạn. Nhưng thím Bầy, thì thím bảo là không phải. Thím nói chỉ có mấy hòm áo quần cũ, trên cụ Cử gởi xuống để nhờ cụ Tú giữ hộ, nhưng Cụ không nhận, và đã gởi giả ngay. Chả là cậu Tú Triệu và cụ cử xưa nay không tương-đắc gì. Bởi vậy trong lúc hoạn nạn, hai nhà nhất định không có thể san sẻ nỗi lo nỗi buồn cùng nhau. Thím Bầy ở ngay cạnh nhà Cụ Tú, vậy tin-tức của thím cho hẳn là không sai.

Mặc dầu, tiếng đồn vẫn lan rộng. Người ta bảo nhau rằng: in tuồng Cụ Cử không có về làng nầy. Nhưng cụ đã viết một bức thơ để « làm-thân » gởi lại với cụ Cố. Cụ cố làng ta đọc xong thơ, cũng đã nghĩ lại và cụ cho rằng: tiếng thế nhưng hai nhà xưa nay đối với nhau cũng chả có gì có thể gọi là «thâm cừu» và cụ đã cho gởi lại cái hòm, Cái hòm ấy, hiện giờ, dấu ở dưới cái dường ngủ cụ bà. Còn như tin tức về đảng cách-mạng, thì người ta nói: chính tối hôm vừa qua, chúng nó đã vào tỉnh, chú nào chú ấy áo giáp trắng, mũ trắng, ăn bận trắng toát một loạt, in như quân lính vua Sùng Chinh ngày xưa (1)

Xưa kia, Ả Q đã mấy lần nghe người ta nói đến đảng cách mạng. Nam nay va lại đã thấy giết cách mạng trên tỉnh độ vừa rồi. Nhưng trong khối óc va đã chứa sẵn một ý kiến chẳng biết nguồn gốc từ đâu; và vẫn nghĩ rằng: làm cách mạng tức là làm giặc; làm giặc tức là làm khó dễ cho sự sinh hoạt của va; vì vậy nên Ả Q xưa nay vẫn ghét lấy ghét để những tụi cách mạng. Ấy thế nhưng hôm nay Ả Q thấy rằng chính tụi đó đã làm cho cụ Cử sợ hãi, thì va cũng đã hơi lấy làm « lác mắt ». Nhất là trong lúc va thấy lũ đàn ông đàn bà cả làng Mùi cuống quýt lên như vậy thì va lại lấy làm khoái chí. Va nghĩ bụng:

« Tớ cũng đi đầu hàng đảng cách mệnh vậy! »

Gần đây. đồng tiền Ả Q cũng không được dồi dào cho lắm, thành thử va cũng có ý bất-bình. Phần thì trưa hôm ấy cái bụng không lòng vừa mới chở hai bát rượu cho nên va đã choáng váng say, Ả Q vừa nghĩ vừa rảo bước, tâm hồn lại nhẹ nhàng hớn hở hẳn lên. . . . . .

« Làm giặc nào! Làm giặc!...

Bao nhiêu dân sự làng Mùi lúc bấy giờ đều khép nép nhìn Ả Q bằng một cặp mắt khiếp khủng vô cùng. Ấy là một sự xưa nay Ả Q chưa hề thấy. Thành ra lần nầy va lấy làm thích-chí vô hạn, chả khác gì nắng tháng sáu mà được kem ăn vậy. Va càng hớn hở bước rảo và thét:

« Hảo a!... Tớ muốn sao thì được vậy a! Tớ thích ai là người ấy được nhờ a!.....

.....Rùng rùng! Tùng tùng! Cắc!

.....Ăn năn đã quá muộn: chỉ vì ta quá chén mà Trịnh hiền-đệ đã bị giết oan đây a!... hu ta hồ thiên địa!....

....Ăn nan đà quá muộn rồi a!... oi già gia gia gia!...

....Rùng rùng! Tùng tùng! cắc!.. cắc cắc! Tùng! Rùng tùng cắc!...

Thủ chấp (i i i i..) cương (i i..) tiên (i...a) tương nị đả!.. » (1)

Trước nhà cụ cố họ Triệu, hai ông con và hai người con cháu đồng tông cũng đang đứng tụ họp ở cửa ngõ, bàn cách-mạng. Ả Q không trông thấy cứ ngang nhiên rảo bước và vẫn hát ánh ỏi:

---

(1) Trong ý-nghĩ dân làng Mùi, cuộc cách mạng 1911 cũng là một cuộc chính biến, vương-triều nầy đánh đổ vương triều kia, để lên trị vì mà thôi. Những ấn-tượng hát-tuồng Vẫn ăn sâu vào khối óc của bọn nhà quê sống dưới chế độ Mãn Thanh.

(1) Trong một tràng hợp vô ý-thức. Ả Q đã đang đóng vai tuồng cách mạng tưởng tượng theo bộ điệu tuồng tầu.

— «Cắc cắc! Tùng!...»

— Này, ông Q ơi!... Cụ cố gọi khẻ khẽ, có vẻ sợ sệt.

Xưa nay đã bao giờ Ả Q nghĩ đến sự có một ngày trong đời va, va sẽ được nghe người ta kết liền chữ « ông » với chữ Q... để gọi va! Vậy nên va cho rằng tốp người đó còn nói chuyện gì đâu đâu chứnào nói gì đến mình. Vậy Ả Q cứ việc hát theo nhịp tuồng:

Cắc, rắc cắc cắc!.. Tùng rùng tùng!

— Ông Q này!

Ăn năn đà quá muộn...a!...

Cậu Tú đành phải cứ theo tên cúng-cơm mà gọi vậy:

— Ả Q ạ! —

Ả Q mới dừng bước. nghếch đầu lại hỏi:

— « Gì kia ạ?

— Ông Q này... Độ này....» — Cụ cố bỗng không biết nói gì nữa. — « Độ này.... à mà... phát tài chứ? »

— Vâng ạ! Phát tài hẳn chứ!... Muốn sao là được vậy mà!...

— Ả. ..à! Bác Q này!... Bọn mình là bạn nghèo với nhau cả thì chắc là... — Triệu Bạch nhãn lăm le hỏi, cố ý dò xem khẩu khí một nhà cách mạng là thế nào..,

— Bạn nghèo? Anh lại không phong lưu bằng mấy tôi ấy a?

Xong câu nói Ả Q lại cứ cúi đầu bước.

Mấy người nhà họ Triệu nghe mà phát khiếp, và đứng im hẳn một hồi. Chiều hôm ấy hai bố con nhà họ Triệu bàn bạc cùng nhau, mãi đến lúc đỏ đèn. Chú Triệu-bạch-Nhãn thời vừa về đến nhà là cởi ngay cái ruột - tượng, bảo chị vợ dấu tít vào đáy hòm.

Ả Q hớn hở nhẹ bước trên con đường làng một hồi khá lâu. Lúc va về tới đền thổ - cốc, thì mùi rượu đã lạt dần. Chiều hôm ấy, lão từ đối với va cũng tỏ ý nhã nhặn khác thường, và lại mời Ả Q uống trà nữa kia. Ả Q đắc - thế, yêu cầu lão thết luôn hai khẩu bánh. Ăn xong còn « tảo » nuốt một đoạn nến (bốn lượng) đã thắp giở, và lấy luôn cả cái cọc đèn, mang về túp lều, đỏ đèn lên một mình nằm nghỉ ngơi. Giờ này biết bao nhiêu ý - tưởng xinh-tươi, tốt đẹp mà Ả Q không tài nào tả ra lời được, đã tưng-bừng, vùn vụt trong khối óc của va in như ngọn hoa đèn trên đĩa dầu ngày nguyên-đán Ả Q sung sướng nghĩ:

— . . . . .Vui kia ạ! . . . . . .

Chuyến này cả tụi Làng Mùi chúng mầy sẽ biết tay ông!... Vui kia a! chúng nó sẽ quỳ ràn rạt xuống « Ả Q....Tha chết đi cho tôi! » Nhưng ai nghe chúng nó!.... Trước hết thằng Cu Đ phải. . . .cái đã! Rồi đến Cụ Cố họ Triệu, cả lão Tú nữa, cả thằng giả nữa. . . . . .

Kể ra lão Vương hồ thì tha ra cũng chả hề chi,... nhưng bất tất! thôi thì cho chúng nó đi cùng nhau một tụi luôn thể!...

Đồ đạc.... Bọn mình thẳng tới nhà cụ cố, phá ngay cái hòm ra xem... Tiền-đồng,... vàng bạc,... áo sa... Mà trước hết phải khiêng ngay cái giường Hồng-Công của Mợ Tú về ngay đền thổ-cốc cái đã... Ngoài ra còn bộ bàn ghế nhà họ Tiền cũng chuyên về... Hay là ta dùng ngay bộ xa lông nhà họ Triệu vậy?... Lẽ cố nhiên, mình bất tất phải mất công đi khuân vác một tí gì!.. Thằng Cu Đ phải đi.... khiêng về, mau lên!... Chậm, là tát vào mặt...

.....Lão Triệu tư thần có con em,.... nhưng xấu xí quá!... Con Thim Bẩy, vài năm nữa hẳng nói chuyện.. Vợ lão tây giả.. con này đã ăn nằm chung chạ với một thằng đàn ông không có đuôi sam,... Chạo! tởm!.... Thứ đàn bà ấy chả ra trò gì rồi!.. Mụ tú Triệu phải một cái là quầng mắt có vết ruồi Mà.... con mụ vú Ngò lâu nay đi đâu nhỉ?....Bực một nỗi là cái bàn chân chị ta to quá!.,. (1)

Giữa lúc khối óc còn rối beng với bấy nhiêu tư tưởng và chưa có một ý nghĩ gì rõ rệt về tiền-đồ, thì Ả Q đã khò khò ngáy. Cây nến bốn lượng vừa chầy mất độ năm phân, ngọn lửa lập loè, chiếu thẳng vào cái miệng hoác rộng của Ả Q.

« Ha! Ha! » Ả Q bỗng giật mình giậy. Kêu to luôn mấy tiếng rồi nghếch đầu lên hoảng hốt nhìn quanh nhìn quất. Lúc nhìn thấy ngọn nến bốn lượng vẫn còn, va sẽ lại ngã người ra ngủ lại

Ngày hôm sau, lúc Ả Q thức dậy, thì giời đã khá trưa. Va chạy ra nhìn xem trên con đường làng thì đâu vẫn hoàn đấy, quang cảnh làng Mùi vẫn chả có gì thay đổi. Mà cái bụng vẫn cũng cứ nghe đói. Ả Q ngẫm nghĩ hồi lâu, chung quy cũng chả nghĩ ra sự gì lạ... Thế nhưng một nhát sau, thì hình như va đã có quyết định; rồi cũng chả hiết là vô-tình hay hữu ý, va bước lần tới chùa Tĩnh-Tu.

Sau bức tường trắng có trổ hai cánh cửa sơn đen cảnh chùa với giời xuân một mầu êm ái. Ả Q ngần nghĩ một chốc, rồi bước tới gõ cửa. Một con chó sủa từ trong chùa sủa ra. Ả Q vội vàng nhặt mấy mảnh gạch vỡ rồi bước tới gõ mạnh vào cánh cửa Gõ mãi đến lúc trên cánh cửa đầy những vết gạch đỏ mới nghe có tiếng người bước ra mở cửa.

Ả Q lập tức nắm chặt lấy mấy mảnh gạch trong tay, hai chân, chân trước gấp cong, chân sau chạng dài theo thế « mạ bộ » sẵn sàng « khai chiến » với con Mực... Tuy vậy, sau khi cửa chùa hé nửa, thì con Mực vẫn không xông ra, mà chỉ thấy bà sư già hôm nọ.

---

(1) Về đời Mãn Thanh, đàn bà — nhất là bọn quý phái — đều bó chân. Ả Q không bằng lòng về cái giò của U Ngò không bó và va cho là thô. —

— Bác lại tới đây làm gì nữa kia?

Bà sư già hỏi, giọng nói có vẻ khiếp.

— Cách mạng! cách mạng rồi mà!.. Bà biết không?

Ả Q bập bẹ giả lời.

— Cách mạng: cách mạng! cách thì cách! các bác còn muốn cách chúng tôi đến thế nào nữa!

Hai con mắt sư bà đỏ bừng hằn lên....

— Thế nào?... Ả Q rất lấy làm ngạc nhiên với thái độ nhà chùa.

— Đã bảo mà: chúng nó đã đến đây « cách » hết rồi! Nhà bác không biết đó thôi.

— Ai kia?

Ả Q càng lấy làm ngạc nhiên. Sư bà giả lời:

«Lão Tú với lão tây-giả ấy mà!....»

Thiệt là một điều bất ngờ cho Ả Q.

Sư bà thấy va thất-thố, tức thì cai ngang chốt cửa rồi đi vào. Lúc Ả Q lại đẩy cửa thì không tài nào xô cho ra được. Va lại gõ một thôi nữa, nhưng chả ai giả lờ.

Thì ra đấy là chuyện vừa xảy ra hồi sáng sớm. Nhờ có tin tức nhanh chóng, Cậu Tú biết rằng: đảng cách mạng đã vào tỉnh đêm hôm qua, cậu liền đem đuôi sam quấn vòng quanh lên trên đầu rồi tức-tốc qua nhà họ Tiền thăm lão tây giả, — là một người xưa nay đối với cậu chả nhập nhĩ nhập nhằng tí nào — So là ngay nay trong vận-hội mới trong thời kỳ « hàm giữ duy tân » (1) này, hai ông trò chuyện bỗng dưng thành ra thân-mật. Hai bên «tâm đầu ý hợp» bèn hẹn hò cùng nhau đi làm cách mạng. Hai nhà cách mạng mới, bàn bạc hồi lâu, nhớ ra rằng: trong chùa Tĩnh-tu còn một cái long bài. . . . . sơn son thiếp vàng. Đấy là cái huy-hiệu triều thanh phải « cạch » ngay mới được. Thế là hai ông cùng nhau tới chùa Tĩnh-tu. Lúc tới chùa, chỉ vì sư-bà ra cản trở công cuộc cách mạng và cãi lại mấy câu mà hai ông đồ ngay cho là Sư bà ủng hộ chính-phủ Mãn Thanh, rồi cứ cai đầu trọc mà mò ba toong xuống và lại cốc cho mấy chục cái nữa. Cô tiểu thì mãi lúc họ đã đi xa mới hoàn hồn. Kiểm điểm đồ nha chùa lại, thì thấy cái long-bài đã đánh tan nát ra giữa chùa, và cái lư-hương Tuyên-đức xưa nay vẫn để thờ trước tượng quan-âm cùng biến mất rồi.

Lúc Ả Q được biết câu chuyện trên đây, thì va lấy làm tiếc rằng vì ngủ quá-giấc mà lỡ dịp.... Nhưng va càng bực vì tụi chúng nó không tới gọi mình cùng đi. Va nghĩ lại:

« Hay là.... Chúng nó còn chưa biết là tớ đã đầu hàng đảng cách mệnh ». *(Còn nữa)*

(1) Cùng nhau đồng lòng đi đến chế-độ mới.

SÁCH ĐỜI MỚI

MỘT PHO TRUYỆN QUÝ

THANH-DẠM

Một truyện dài vĩ-đại

MỘT TÁC PHẨM ĐẶC BIỆT CỦA

NGUYỄN CÔNG HOAN

500 trang — In đẹp — Giá: **4$50**

(có in riêng 5 bản giấy quý, mỗi bản giá: 20$00)

Xem mấy lời sau đây, của tác giả đủ rõ pho Thanh-đạm viết rất công phu:

Ông VŨ *(Đời mới)*

«...Có một điều tôi rất bất mãn với ông là khi in cuốn **Thanh Đạm**, *ông đã danh mất của tôi bài biểu, bài chiếu. Hai bài ấy tôi chọn rất công phu, trong ba tháng mới có. Bài chiếu nghĩa là vua gọi ra làm quan. Bài biểu chỉ có nghĩa là ông quan xin từ chức, lấy cớ già yếu. Nhưng chỉ có tội, là nó nhiều điển tích, mà một nỗi dốt không hiểu. Có lẽ ông dốt, nên tưởng có điều gì can phạm, mới bỏ nó đi. Bài chiếu, bài biểu, tôi cho vào đó, một là cho nó có vẻ cổ kính, hai là cho nó đủ một cái phông sử để làm sống lại một thời đã qua, ngày nay không thể tìm được những cái ấy nữa. Thế là bây giờ tôi có thêm được bài học khôn nữa, là không những người dốt làm tai hại cho mình, mà có khi làm tai hại cho người khác. Ông đã làm hại tôi, thôi thì tôi chịu, nhưng ông đã làm tai hại cả đến văn-chương của tổ quốc, thật đáng đánh cho cái bạt tai!...»*

NGUYỄN CÔNG HOAN

ĐÃ CÓ BÁN:

MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM MỚI (in lần thứ tư) của THÁI PHỈ.	1$20
SÓNG GIÓ ĐÔNG CHÂU (in lần thứ hai) của THÁI VI LANG	2.00
THANH NIÊN KHỎE của ĐÀO VĂN KHANG.	1.00
MUỐN HỌC GIỎI của THÁI PHỈ.	1.00
LUẬN VỀ TIẾNG NAM của NGÔ QUANG CHÂU.	0.70
TRUYỆN HỌC SINH mỗi tập từ. .	0$15 đến 0.30

Muốn có bản thống kê xin gửi 0$06 tem về:

Nhà xuất bản ĐỜI-MỚI

■ *62, Hàng Cót — HANOI* ■

PHỔ-THÔNG CHUYÊN-SAN

KỂ TỪ 1er JUILLET, PHỔ-THÔNG BÁN-NGUYỆT-SAN RA THÊM MỘT LOẠI MỚI, MỖI THÁNG MỘT *CHUYÊN SAN* VĂN HỌC, SỬ HỌC, HAY TRIẾT HỌC. MỤC ĐÍCH LÀ GÂY DỰNG MỘT KHO TÀI LIỆU THIẾT YẾU CHO TỦ SÁCH NGƯỜI HỌC THỨC.

CHƯƠNG TRÌNH BIÊN TẬP

Những chuyên-san phổ-thông văn học

Đem những văn nghiệp cũ ra chú giải, phiên dịch, phê bình, biên tập tiểu truyện của tác giả, nếu có thể lại soạn cả niên phổ của tác giả. Ngoài những văn nghiệp của nước nhà lại mở rộng đến cả văn nghiệp Tàu nữa. Những văn nghiệp của ta như Nguyễn Trãi, Lê Thánh-tôn, Trạng Trình, Lê quý Đôn, Chiêu Hổ, Lý văn Phức, Đoàn thị Điểm, Thanh Quan v. v. và ở Tàu như: Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Tào Thực, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn xương Lê, Tô đông Pha, Lương khải Siêu, Hồ Thích v. v.

Nghiên cứu khảo luận về các vấn-đề văn học, phê bình những sách đáng chú ý của người đương thời.

Những chuyên-san phổ-thông sử học

Dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như: Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Lịch triều hiến vương, Lê triều dã sử. Lê quý kỷ sử, Cố Lê tiết nghĩa lục, Đại Nam liệt truyện, Hoàng Lê ngọc phổ, Trịnh gia thế phổ, Gia định thông chí, Thoái thực ký văn, Bắc hành lược ký, Phủ biên lục. Kiến văn tiểu lục v. v.

Viết những lịch-sử ký-sự, danh-nhân truyện ký, hoặc soạn những tập sử từng triều đại một, để dần dần đi đến bộ sử đại toàn. cũng có thể đăng những thiên du ký, trong đó kể việc qua thăm các danh thắng cổ tích cá giúp ích cho sử học.

Những chuyên-san phổ-thông triết học

Nghiên cứu, giới thiệu, phê bình các ngành triết học cả đông và tây, khảo cứu về nguồn gốc và lịch sử của các tôn giáo trong thế giới.

■

Chương trình biên tập, trên đây sẽ có thể thay đổi thêm bớt cho tới khi hoàn toàn. Chúng tôi rất mong các hậc tri thức cao minh trong nước chỉ giáo cho.

Chương trình làm việc dự định là như thế, nhưng phạm vi nguyệt san của chúng tôi có hạn, mà tài lực của chúng tôi cũng có hạn. Cho nên mỗi tháng chúng tôi chỉ có thể đem hiến bạn đọc yêu quí một tập chuyên san mà thôi.

Số trang không nhất định mà giá báo cũng không nhất định.

Các ngài có thể tin cậy ở sự cố gắng của chúng tôi, về phương diện biên tập, ấn loát, cũng như việc định giá. Chúng tôi chỉ ước sẽ làm vừa lòng các Ngài về giá trị chuyên san cũng như về giá bán phải chăng vậy.

P. T. B. C. S.

Xin chú ý. — *P. T. B. N. S. lớp cũ (tiểu thuyết) vẫn ra, nhưng mỗi tháng chỉ in một tập, đẹp hơn trước, tiểu thuyết chọn lọc rất kỹ, toàn là những tác phẩm hay, có giá trị chắc chắn.*

NHỮNG CHUYÊN-SAN DỰ ƯỚC XUẤT BẢN TRONG NĂM 1943

Juillet:	**LỤC VÂN TIÊN DẪN GIẢI** của Đinh Xuân Hội 200 trang, giá. . .	1$50
Août :	**TRẦN THỦ ĐỘ** *Danh nhân truyện ký* của Trúc Khuê, giá.	0$80
Sept. :	**TRƯƠNG VĨNH KÝ** *Khảo cứu* của Lê Thanh, giá.	0$80
Octo. :	**KHỔNG GIÁO LÀY GÌ LÀM CỐT TỬ?** *Khảo cứu* của Mai Đăng Đệ	
Nov. :	**QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI** của Nguyễn Đỗ Mục	
Dece. :	**BA LOẠI VĂN** *Khảo cứu* của Vũ-Ngọc Phan	

SỐNG VÀ VIẾT

ĐINH GIA TRINH

TRÊN đường; một mầu thẫm của chân giời, một bà lão hành khất khom lưng đi van xin, câu truyện liu lô của một tũ người gánh gồng. Trên tầu một anh sầm mù tay công queo bấm vuốt mấy đường tơ sầu và cũ kỹ của một chiếc nhị điêu tàn. Đó là những dịp của tư-tưởng, những cớ của cảm súc. Những ý, những hình, lướt qua tâm trí, tâm trí say sưa trong sáng-kiến. Có khi cả một triết lý mới mẻ và thực thà, không vay mượn, sôn sao trong óc, trong cái thể hoạt động nhất và đẹp nhất của nó. Những phút giây châu ngọc. Tư-tưởng như cánh én.

Trở lại văn phòng của mình, hoa tạp, mùi nhạt, tiếng nhị chỉ còn lờ mờ, hình ảnh thiếu thốn, ngắn-ngủi. Phút giây quý báu đã qua. Én đã bay xa. Tâm hồn ta như quán trọ, người anh kiệt hoặc giai nhân qua chơi nào ở được bao lâu. Tả lại một cảm súc mấy phút sau khi cảm súc, ấy là đã phản bội rồi.

Chiều nay tất cả tâm tư tôi đều sống mãnh liệt một tinh Nội giới của tôi đựng hết cả cái phức tạp của ngoại giới. Tôi ở trong chiếc lá, trong tiếng chim, trong đám mây qua. Tôi tan trong cái dắm đuối của một cuộc gặp gỡ hẹn hò đầu tiên. Tôi không là cái mảy tư tưởng nữa, tôi quên cả « hai với hai là bốn ». Dĩ vãng, hiện tại, tương lai hòa lẫn với nhau, xóa nhòa các biên giới. Tôi chỉ là một cái gì rung động trong tạo hóa, không có bấu víu vào không gian và thời gian.

Bài thơ tôi sống riêng tây ấy, chỉ có tôi là độc giả. Cây hoa đào ở miền xa xôi ấy, cái bóng giáng ấy, cái hương thơm của ngày ấy, cái vị ngọt của quả ấy, chỉ có tôi là được trông, được ngửi, được nếm. Bài thơ ấy không có tới hai bản trong vũ-trụ mà cũng không có ở hai lúc trong thời gian. Bài thơ « tuyệt vọng » đó (vì ai bắt được hình của nó ngoài tôi ra?) nó làm lay những cõi rễ thâm sâu của linh hồn, nó tác động bằng hình ảnh, nó sờ mó thẳng đến những giây thần kinh. Tựa như trong một giấc mơ đẹp ta sung sướng một hạnh phúc hão huyền, để cho khi bừng mắt giậy tay quờ chạm phải chiếc gương gỗ vo tâm hồn thất vọng, như con giơi của Baudelaire, đụng đầu vào những bức tường tối của gian buồng và của thực tại. Thế mà cái sung sướng hão huyền, mơ ảo ấy, ai cãi lại rằng nó không muốn lần lơn hơn, mạnh hơn những sung sướng trong đời thực? Nó muốn lần thực hơn những sung sướng thực trong đời!

Bài thơ độc nhất ấy nay ta muốn đem ghi bằng giấy mực. Ta muốn làm vĩnh viễn một khoảnh khắc, nói những cái gì không nói được. Những ngôn ngữ « đè nát cảm giác », theo như một lời của Bergson. Ngôn ngữ thô bạo, có cạnh sắc, có khuôn khổ, sao đựng được cái gì tế nhị, thẹn thùng, vượt lên trên cả các khuôn khổ? Cái văn pháp của loài người dựa vào sự chắp nối, mà cảm súc của người ta vô biên, phức tạp nhưng duy nhất, lam rung đóng hoan loan, đột nhiên, không đi dần dần từng bước, lần từng bậc. Những thi phẩm của người đời đều là những phản ảnh lờ mờ, thiếu thốn, có khi sai lạc nữa, của những trạng thái tâm hồn thi sĩ. Những bức ảnh in ra hàng nghìn hàng vạn tờ ấy, khi làm rung chuyển mỗi tâm hồn đọc giả lại biến hóa đi, ra muôn ngàn bức ảnh khác, không bức nào giống bức nào.

Bài thơ đầu tiên và độc nhất đã biến thể vô cùng để rồi một ngày kia tan đi trong cái bằng phẳng nhạt nhẽo của một cái gì cũ kỹ. Cái phút thần tiên của một chàng Lamartine trên mạt hồ vắng, tình tự với người yêu, hẳn là đặc biệt độc nhất, một bai thơ vo cùng đẹp đẽ. Thế mà lời thơ trong bai « Le Lac » sẽ có thể hát bởi một chàng lái buôn thất vọng, yêu một chị lái buôn nhơm nhơ. Chỉ một mình ta được thưởng thức bai thơ huyền diệu ở trong ta mà thôi; bai thơ bằng văn tự chỉ phản bội bài thơ trong thâm tâm, và nó phản bội cả ta nữa vì nó trở nên bài thơ của tất cả mọi người, bài thơ công cộng. Nàng công chúa bỏ lầu khuê xuống dân mình vào cái ô hợp của quần chúng.

Thơ nguyên chất, thơ thuần túy, chỉ ở lòng ta. Nó kiêng sợ ánh sáng ngoại giới như ma quỷ e-dè bị lộ liễu với bình minh. Trong tâm hồn ta, hàng ngày rung động bao nhiêu thơ. Những ca reo, những sầu, những nhớ tiếc, những mang mang. Những mùa xuân và mùa thu. Mỗi người là một thi sĩ mà mỗi người lại là một thi nhân. Ta sáng tạo rồi ta lại đọc ta. Ngôn từ không tả nổi một phần trong muôn một cái thơ lhiêng liêng ở trong tâm hồn. Đêm nay ta cần bút đợi một chữ, một vần, tư tưởng uể-oải nặng nề thu mình trọng những chữ thô kệch. Có những thai nghén mà không ra khỏi óc, có những họ hàng của một chữ nó vui chân rủ rê nhau đi thành đoàn, lôi kéo cả tư tưởng của ta. Viết xong bài văn ta đã thấy không phải là ta thuần túy ở trong bài văn rồi.

■

« Một con sông, một buổi hoàng hôn ». Đó là thơ. Một con sông, nước phẳng lặng. Nhưng một con sông, đối với ai đó đã là cả một vũ trụ. Con sông của nhà thi sĩ phương Tây nọ, phản chiếu dưới chân cầu bóng của một dĩ vãng yêu đương. Con sông trên đó chiếc thuyền mang người đi, ly biệt mãi mãi. « Một con sông », đối với tôi, ấy là hôm đó, năm đó, cuộc tiễn biệt ấy. Một độc giả ít sống với cảnh vật sẽ chỉ nghĩ đến một con sông nước đỏ, hai bờ cỏ bến nứa, người chẻ củi chi chát. Rồi lại « một buổi hoàng hôn », buổi hoàng hôn năm ấy, thời ấy, mà một biến biến thiên lớn trong tâm tư đã sầy ra. Buổi hoàng hôn đâu chỉ là có mây vàng và tre sẫm ở chân giời?

Độc giả hỡi, những lời thiếu thốn, những danh từ nhạt nhẽo, ngớ ngẩn, ấy là thơ của một tâm hồn. Chỉ tâm hồn ấy hiểu bài thơ của tâm hồn ấy. Ta là độc giả số một và thông minh nhất của bài thơ ta đã viết. Bởi vì những lời ta dùng, lời thô bạo, nếu chọn lọc có chút nghệ thuật, thì nó có thể khêu gợi cho ta tưởng tượng, cho ta cảm sức lại cái cảm sức xưa, cái cảm sức có một mà chỉ một mình ta hội được, bắt được mà thôi. Người đọc bài văn của ta thấy khoái trá nhất, ấy chính là ta. Ta là tri kỷ thứ nhất của ta.

■

DANH-VĂN NGOẠI-QUỐC

= SỰ XUNG-ĐỘT GIỮA = TƯ-TƯỞNG VÀ SỰ VẬT

ĐỖ ĐỨC DỤC dịch

Lời người dịch. — Trong một cuốn sách nhan đề là « Những sự mâu thuẫn ở thế-giới cận đại » (Les Contradictions du monde moderne) xuất bản ở Pháp năm 1925, tác giả ông Francis Delaisi có tường thuật cuộc thế-giới khủng hoảng sầy ra sau trận đại chiến 1914-1918. Người ta đã phải băn khoăn tự hỏi: Âu châu sẽ đi tới đâu? Sự chấn-động kinh khủng do cuộc thế-giới chiến-tranh kia đã ném văn-minh Âu-tây ra ngoài đường lối cũ, và làm rối-loạn những cơ quan cốt-yếu của nó. Giữa cơn binh lửa, ít ra mỗi dân tộc đứ chiến cũng đó một ý-niệm rõ-ràng hướng-dẫn: đánh đổ đế-quốc Đức để đi tới một thời-kỳ thịnh-vượng mới. Chiến-tranh xong người ta đặt bao nhiêu hy vọng vào hòa-ước, vào hội Quốc-liên, tin rằng những cuộc xung-đột quyền-lợi giữa các nước về sau sẽ có thể giải-quyết được một cách hòa-bình. Nhưng rồi năm sáu năm giời qua, trong sự chờ đợi, với những thí-nghiệm không trật-tự, người ta đã phải thất-vọng: đích kia chưa tới mà ngày một xa thêm....., Hội Vạn-quốc chung-quy hóa ra một tòa-án hòa-giải với quyền hạn hẹp-hòi, các cường-quyền chỉ ủy-thác cho những việc « hạng nhì », ấy thế mà sự thi-hành lời phán-quyết họ lại còn tự ý định-đoạt. Tình-hình chính-trị các nước cũng thực rối-ren: chính-thể Dân-chủ, mà người ta mong sẽ mang lại cho thế-giới sự quân-bình và hòa-hảo, trái lại đã qua một cuộc khủng-hoảng dữ-dội vô cùng. Nền tự do đã không mang lại cho những dân-tộc bại trận miếng bánh ăn. Rồi sự thắng thế của đảng cộng sản ở Nga ảnh-hưởng đi khắp nơi, gây nên một phong-trào phản-động của giai-cấp hữu sản và đưa nhiều nước tới chính-thể độc tài: Đức, Ý, Hi-lạp, Tây-ban-nha,... Nhưng nền chuyên-chế phải dâu là nền vĩnh-viễn! Thật là một « nỗi dật-dờ vô sở định ». Người ta quay nhìn và hy-vọng ở mấy cường quốc còn giữ được y nguyên hiến-pháp xưa: Anh, Pháp, Mỹ. Nhưng Anh và Pháp cũng lâm vào một tình-trạng bội-phần lo ngại: tiền sụt giá, nợ chiến-tranh nặng, thuế-má cao, thợ thuyền thất nghiệp; những địa-vị thực hấp-bênh. Còn Hoa-kỳ? Biệt lập ở một thế-giới riêng, chỉ dự chiến trong một thời-gian ngắn-ngủi, Hoa-kỳ không phải khó khăn mới gây lại được thế quân-bình về kinh-tế và tài-chính. Nhưng này đây họ dãy-dụa trên đống vàng! Một là họ phải bán hàng dưới giá vốn hoặc đóng cửa một phần nhà máy và đình chỉ nhiều việc kinh-doanh; hai là họ phải hủy bỏ chính sách « cô lập lộng lẫy » xưa đi, nghĩa là tham dự vào cuộc phục hưng Âu-châu lấy nơi trút sang những nguyên-liệu, những sản-phẩm, những tư bản chất ứ kho tàng. Nhưng Hoa-kỳ cần phải một lòng tin-nhiệm Âu châu!

Nói tóm lại chính-sách dân-chủ, cộng sản, độc tài đã không gây lại được tình thế vững vàng cho Âu châu. Đâu đâu cũng chỉ là những sở vọng tương phản, những giải-quyết tạp-loạn, những ứng phó vô sở cứ, nào do dự, nào bất trắc. Thế gì phô bầy quang-cảnh một chiếc thuyền bị bão đổ về một bên sườn, trong đó hành khách nhốm dậy và quẫn-quại, mò-mẫm, người nọ đụng người kia không có một nhãn quan rõ-ràng về tình trạng của mình và không kế-hoạch hoạt-động. Họ sẽ đi tới đâu?

Ông Francis Delaisi nhận ra rằng, cũng như với một thủy-thủ lạc trên biển lạ, muốn tìm đường trước hết phải « trắc-định vị trí » (faire le point), nghĩa là tìm xem chiếc thuyền đang dừng chỗ nào trên quả đất, bằng chiếc đồng hồ và bằng hướng mặt giời buổi chưa, một việc « trắc-định vị trí » cũng cần cho thế-giới trong cơn khủng-hoảng. Nhưng bằng cách nào? Bằng một cuộc khảo sát cẩn-thận lại lịch-sử.

Một điều xét-nhận của tác giả: mỗi xã-hội đều sây đắp trên một số những nguyên-tắc, mà người ta có khuynh-hướng tai hại cho là bất dịch trong khi xã-hội kia theo lẽ tự-nhiên phải tiến hóa không ngừng. Thành ra nhiều khi sự-vật đổi thay

(Xem tiếp trang sau)

Sương buổi chiều sa. Gió lạnh. Tôi buồn thật. Nhưng mà tôi không dam buồn, sợ các « nhà tư tưởng » có tai tiếng và đạo mạo, và đã đọc mấy cuốn sách về nghị lực trừng mắt nhìn tôi mà hét lớn: « Hết thời giăng gió rồi! » Oan uổng quá. Từ thuở có loài người, vui, buồn, sướng, khổ, là những thực sự, nào đâu có thời « giăng gió » với thời « không giăng gió »? Nào có phải đâu tôi buồn cái buồn nay mượn khá ổ của bọn văn sĩ sướt mướt khóc vì lá vàng rụng và hoa lê rơi, toàn đem chi khí thanh niên chôn vùi dưới cái sầu lê thê của kẻ có bệnh! Một tấm lòng dũng kiện sao lại không có thể buồn sương sa, gió lạnh, buồn nghe nhạc trong đêm mưa, buồn nghe nước sông rộc rách ở mạn thuyền, trông giăng xế sau dãy núi? Có lẽ nào người chiến sĩ không có quyền làm một nhà thi sĩ? Lịch sử đã hiến ta nhiều thí dụ những nghệ sĩ kiêm chính trị gia. Tha thiết trong tình cảm, cái tha thiết sâu xa trong sầu muộn, ấy cũng lại là cái tha thiết đưa người ta đến những chóp cao của hoạt động. Những thi sĩ làm thơ ẻo lả, rồi đắm chìm trong ẻo lả, than khóc hão huyền để mà sống hời hợt, thực không phải là thi sĩ sứng đáng. Bởi vậy tôi nghĩ đến lời của một thanh niên diễn giả gần đây bảo thời nay không phải là thời nhà thơ ca ngợi mùa thu nữa. Thật là lắm. Chẳng phải thời ca ngợi mùa thu đã hết, vì mùa thu còn, và lòng người ta qua bao nhiêu thế kỷ vẫn không thay đổi đến tính chất. Có chăng ta nên mong hết cái thời giả dối, ủy mị. Mong rằng hết nguồn buồn trong nghệ thuật ấy là ngông dại hết sức, vì đó là mong cho nghệ thuật tiêu diệt, vì nghệ thuật không bao giờ sây lên trên vải hơn hở, mãn nguyện. Muốn cho người ta hăng hái, yêu hoạt động, được rồi, nhưng tại sao lại cứ lầm lẫn luân lý với nghệ-thuật, một đạo sống với cái luật cảm sức?

ĐINH GIA TRINH

Vì một lẽ riêng nên truyện:
« HAI TẤM VÉ SỐ »
không đăng tiếp được kỳ này.
Vậy xin lỗi các bạn đọc

SỐNG VÀ VIẾT

SỰ XUNG-ĐỘT GIỮA TƯ-TƯỞNG...

(Tiếp theo trang trước)

trong lúc những tư-tưởng vẫn còn như cũ, một sự chênh-lệch, «không ăn khớp», sẩy ra, ấy là một cuộc khủng-hoảng. Nếu người ta không biết tùy cơ, thay đổi tư-tưởng cho tương đương cùng sự vật, nếu người ta cố tình ép-uổng sếp-đặt sự vật mới vào những khung quá cũ, những khung kia tất sẽ tan-tành nếu không trong một cuộc cách-mệnh bằng vũ lực. Giữa thế-kỷ thứ 19 sẩy ra một sự thay đổi lớn về sự vật: ở hầu hết các nước Âu châu đại kỹ-nghệ xuất hiện và một cuộc sinh hoạt mới thế chân cho cuộc sinh-hoạt xưa lấy nông-nghiệp làm căn-bản. Trong khi đó không có một sự thay đổi tương đương trong tư-tưởng, nghĩa là những nguyên-tắc căn-bản của chế-độ chính-trị và hành-chính vẫn y nguyên. Nói tóm lại người ta đã không cho cái thượng tầng cấu-tạo về chính-trị và hành-chính (superstructure politique et administrative) biến chuyển hòa nhịp với cái «hạ tầng cơ sở về kinh-tế» (infrastructure économique). Trong hơn năm mươi năm giời, người ta chỉ những lo-toan một cách thất vọng và gượng-gạo, lôi kéo những kinh-dinh mới mẻ vào những qui-mô cũ-kỹ người ta không chịu sây đắp những chế-độ khác, thích hợp với tình-thế. Kết cục một cuộc khủng-hoảng không lồ khoảng hậu đã sẩy ra.

Cuộc khủng-hoảng kia, qua mười mấy năm giời, phải đâu ngày nay đã kết liễu. Từ 1925 đến 1938, người ta vẫn còn lần-lữa, chỉ tìm những giải-quyết rời-rạc, tạm-bợ, cố duy-trì lấy những nguyên tắc xưa đã quá thời. Một sự trái ngược lạ lùng: trong khi tất cả các ngành hoạt động về kinh tế đều có khuynh hướng chở nên «quốc tế», thì các nước đều tìm cách chui vào cái «vỏ quốc gia» và cố gây lấy một nền kinh tế tự lập để có thể tự cấp lấy đủ các phẩm vật cần thiết trong một cuộc chiến tranh mà họ dự tính và sửa soạn. Thật là «một hành động giật lùi» và mai mỉa cho những nước nào đã đi bắn súng vào ngõ nhà người, lấy vũ lực bắt người ta mở cửa!! Rồi trận kinh-tế khủng hoảng sẩy ra năm 1929 càng gieo thêm mối kinh-khủng tràn lan khắp thế-giới. Người ta dự đoán và chờ đợi một tai-ương khủng-bố hơn nhiều. Ở chân giời ngùn-ngụt đùn lên những tảng mây đen. Chợt tiếng súng nổ khắp bốn phương. Cả một bầu trời ầm-đạm nặng chĩu chụp kín lên năm châu. Binh lửa tàn-khốc bùng lên và lan đi mọi chỗ. Nhân loại sẽ đi tới đâu?? Ôi băn-khoăn và bối-rối!!... Rồi ra hòa-bình có mang lại cho thế-giới một địa-vị vững vàng hơn xưa không? Người ta liệu đã có thực tâm và can-đảm nhìn thẳng vào sự vật để tìm một phương-châm kiến thiết xã-hội, tổ chức thế giới theo những điều-kiện mới, thích-hợp với cuộc sinh hoạt kinh-tế hiện-thời hay chưa? Hiện nay bên chân giời chưa lóe ra một ánh lửa hồng để báo hiệu một sớm mai tốt đẹp!

■

Chung-quy, theo ý F. Delaisi, giải-quyết cuộc thế-giới khủng-hoảng trên đây tức là giải-quyết sự xung-đột giữa tư-tưởng và sự vật. Làm sao cho cuộc tiến-hóa của hai loại mục kia được điều-hòa để tránh những nỗi kinh-khủng của kẻ lạc đường.

Trong đoạn văn dưới đây tác giả trình bầy cái nguyên nhân những cuộc khủng-hoảng xã-hội ở loài người và đề nghị một phương-kế để tránh những thời-kỳ bối-rối, hỗn loạn kia có thể đưa tới những cuộc cách-mệnh, lưu huyết thảm hại.

Francis Delaisi viết:

«Có những định-lý (postulats), được mọi người đều cho là xác-nhiên, chính là toàn-thể hay một phần sai lầm. Ấy thế mà chúng ta dựa vào đó để giải quyết những vấn-đề do sự sống nêu lên. Những định-lý đó, mang thêm vào nỗi mô-hồ của sự-vật mối lầm-lạc riêng của chúng, như thế đã không làm sáng tỏ những vấn-đề kia lại còn làm rắc-rối thêm lên. Ngay ở những khoa-học tinh-xác người ta còn thấy chúng

COURS DE PRÉPARATION

au B E. et au Depsi dirrigé par M.M. **VŨ BỘI LIÊU** et **LÂM ĐĂNG DZỤ**. Leçons de Français et Math pour toutes le classes. S'adresser au *N° 40, Boulevard FÉLIX-FAURE.*

huống-hồ ở những khoa-học kinh-tế và xã-hội, chúng lại càng bề-bộn Tể-tướng Bacon (vừa là nhà chính-trị lại là nhà triết học) đã gọi là những «ngẫu tượng chỗ công-trường» (Idoles de la place publique Idola fori). Những tượng thờ được sùng bái, những yêu-ma cang nên kinh hãi vì đối với phần nhiều người, chúng là hình-dung của những mối lợi-hại thiêng-liêng trong xã hội. Tất-nhiên, ngày nào mà sự hình-dung đó còn gần sự thực, ta cần phải kính trọng những định-lý kia Nhưng có thể, — mà cũng tất-nhiên phải thế, — với sự tiến-hóa không ngừng của xã-hội, rồi không còn sự thích-hợp, dù chỉ đại-khái, giữa thực-thể xã-hội và những nguyên-tắc mà người ta dùng để giải-thích nó Do đó sinh ra một sự hỗn-loạn càng rắc-rối thêm, vì ít ở sự-vật trong đó người ta tìm nó hơn là ở những khối óc toan sự minh-giải tình trạng kia ra.

Trong cuộc thế-giới khủng-hoảng hiện thời, — mà nơi chính trường không giải-quyết nổi, — những nỗi khó-khăn nghiêm-trọng hơn hết không phải ở sự tình: nỗi khó-khăn là ở chúng ta.

Một công-lệ người ta đã biết rõ là tư-tưởng thường đi chậm hơn sự-vật. Mọi dân tộc cũng như mọi cá-nhân đều thiếu trí tưởng-tượng: thường là phải một thế-hệ trôi qua trước khi một giai-cấp thượng lưu có thể tạo được một hình-dung toàn bộ của đoàn-thể và chức vụ của đoàn. Và lại phải một thế-hệ nữa, trước khi hình-dung kia được mọi người thừa-nhận. Nhưng đến lúc bấy giờ thì những điều kiện đã thay đổi. Thành ra một chủ-nghĩa về chính-trị hay về xã-hội thường chỉ được thừa nhận là xác-thực khi nó đã không còn xác-thực Nhưng rồi cũng lại phải một thời-gian nữa để những dân-tộc nhận thấy điều kia. Họ cứ tiếp-tục tư-tưởng bằng những ngôn-ngữ của dĩ vãng. Bởi vậy mà không có công việc nào khó-khăn hơn là việc «trắc-định vị trí».

Xong từ năm nầy qua năm khác, giữa thực tế lưu chuyển và tượng hình bất động của nó, sự cách biệt ngày một tang thêm. Cho đến khi sự chênh-lệch nhiều quá thì sự hỗn-loạn trở nên cùng-cực, và những nỗi khó-khăn không bề giải-quyết.

Cho nên từng kỳ-hạn, các xã-hội bắt buộc phải hiệu-chỉnh lại những nguyên-tắc của mình Điều đó các nhà «triết học» ở thế-kỷ thứ 18 và «nhân bản học» ở thời-đại phục hưng đã làm.

Cái tình-trạng hỗn-loạn bối-rối trong đó thế-giới hiện-thời đang dẫy-dụa như tỏ rằng chúng ta đã tới một trong những thời-kỳ nguy-biến kia.

Chúng ta phải khởi một cuộc toàn-thể đối-chiếu giữa những điều thực-tại với những quan-niệm đã thừa nhận; chỉ có thể, sau khi tiếp-tục tu-chỉnh lại, người ta mới có thể đình-chỉ cuộc ly-dị thâm độc giữa sự-vật và tư-tưởng»

FRANCIS DELAISI

(Les Contradictions du monde moderne)

ĐỖ ĐỨC DỤC dịch

PÉDOCA

vinaigre-cornichon

EN VENTE:

dans tous les grands magasins d'alimentation

HANOI

N° 136, Boulevard A. Rousseau

Téléphone : 1663

TRỌNG SỰ TỰ DO V TRẺ CON TRONG VIỆC GIÁO-DỤC

PHẠM LỢI

CÂU đầu-đề này là một nguyên-tắc chính của phương-pháp giáo-dục mới người ta đang theo đuổi để gây dựng một thế-hệ tương lai. Người ta đã công nhận sự sai lầm của nền giáo-dục cũ.

Xưa kia là rèn tập thì nay là dạy dỗ. Sự rèn tập (Dressage) là một cái ác, cốt sức để nén phũ-phàng để đúc người theo cái khuôn nhứt-định. Nhưng giáo dục (Education) là sự uốn nắn nghị lực, dẫn đường cho ý-chí để bản-ngã đứa trẻ được tự do nảy nở. Cốt yêu trẻ mới vui lòng dạy, mà dạy trẻ phải biết tôn trọng nó mới là công-cuộc hoàn-toàn.

Nói đến xã hội là xã hội của bọn người lớn với những công chuyện làm ăn của họ. Vấn-đề trẻ con đã không có một địa-vị thì còn nói chi đến tôn-trọng sự tự do và cá tính con trẻ nữa. Trong gia-đình, quyền tuyệt đối ở tay kẻ lớn. Đứa trẻ bị khinh miệt không ai đếm xỉa đến. Và để thực hành câu « dạy con từ thuở con thơ » người ta phải đe-nẹt, phải trị nọ ngay từ lúc bé, cho nó biết sợ hãi người lớn biết « ớ yên » để cha mẹ làm ăn. Ra trường cũng chang hơn gì. Từ ý-nghĩ đến việc làm, đứa bé phải rập theo với cuốn sách, với thầy giáo. (Ông thầy cũng chỉ là quyển sách biết đọc). Câu nói : Thế-kỷ này là thế kỷ của con trẻ » là lời thú nhận sự lầm lạc của phép giáo-dục xưa, mà cũng tỏ rằng không bao giờ người ta chú ý đến trẻ con bằng lúc nay.

∴

Trong công việc giáo-dục, chúng ta không sáng tạo gì cả ; chúng ta chỉ sửa chữa. Nói theo J. J. Rousseau cũng vậy, ta phải theo với Thiên Nhiên, đừng trái ngược lại. Cho nên điều tối cần của nhà giáo dục là phải hiểu biết trẻ con mới làm được việc « giúp tay Tạo-Hóa ». Một đứa trẻ mất tự-do chẳng khác một quyển sách gấp kín, ta không sao hiểu được nó. Muốn nhận xét đúng, muốn rõ tâm-hồn đứa trẻ, phải cho nó được nảy nở hồn nhiên trước mắt nhà giáo-dục. Đời sống hàng ngày của nó phải được tự do. Có được nhởn nhơ chơi đùa nó mới biểu-lộ ro ràng những nết hay, tật xấu mà chúng ta mới có dịp hiểu biết để giáo-dục nó một cách hiệu quả.

Nếu cho là tội nghịch-ngợm mà ta ngăn trẻ không cho nó rờ vật này, mó vật kia thì sao biết được trí quan-sát của nó ? Đứa trẻ chỉ biết vâng dạ, không được nhiều nhời, hỏi điều khó, nói điều biết, thì nó làm sao tập suy nghĩ, tập phán đoán được ? Có cho nó tự do cầm hòn phấn, viên sỏi trong tay, đứa trẻ mới tỏ rõ là vụng về hay khéo léo. Có được chơi với bạn bè, nó mới lộ chân tướng là đứa hung ác hay nhân từ, gian dối hay ngay thật, Có ai khoe với chúng ta rằng đã dạy con được nó sợ « một phép » thì ta cứ tin ngay là người đó chẳng hiểu một tí gì về đứa con mình cả. Ở trong nhà thì nó lành như đất mà ra khỏi bậu cửa nó lại chơi nghịch ranh mãnh quá sức, trong lúc thiếu người giám-thị. Tuy phép nhà trừng trị rất nghiêm ngặt mà nó vẫn có lúc thốt ra những lời tục-tĩu như dọng con sen, thằng nhỏ. Bậc cha mẹ cho đó là sự suy đốn của đứa trẻ mà không nhận thấy điều khác :

Sự giả trá là kết quả của giáo dục đè-nén, thiếu tự do. Đứa trẻ chỉ chân thật trước lòng thân yêu, và rất dễ hòa với những ai giúp cho nó được tự do nảy nở.

Có một số trẻ nhỏ mất tự do đáng thương hại nữa là những đứa được vú nuôi từ nhỏ. Chúng phải sống theo ý muốn của những người vú vô-học, chỉ cốt dùng sự dọa-nạt, ngăn cấm đứa bé để được rảnh thân. Lời cấm đoán, đe dọa sẽ in mãi mãi vào ký-ức đứa trẻ, sẽ là những bức rào ngăn trở những ý-chí tự do của nó. Hết thời kỳ ấu-trĩ, dù đã thoát « vòng áp bức » của người vú-nuôi, nó sẽ chỉ là đứa trẻ rụt rè, nhát sợ, không tự ý làm được việc gì cả. Những bà mẹ lo đến việc dạy con hẳn không muốn ai làm hại con mình đến thế.

Trời phú cho trẻ nhỏ cái tính hay quan sát, thích hiểu biết những hành động của người lớn và nhất là muốn được tự do bắt chước. Đấy là một điều mà chúng ta phải lưu ý để biết đường hướng-dẫn chúng và gợi cho chúng những việc làm tốt.

Sự tự-do cho con-trẻ là những tự-do ý-chí theo một mục-đích đã chỉ định, ta không nên nhầm với thứ tự-do hỗn-loạn, làm tiêu ma nghị-lực trẻ con một cách vô-ích. Ta cho chúng được tự-do trong trật-tự, chứ không phải tự-do để hành-động nhảm-nhí, nguy-hiểm.

∴

Sự giáo dục có lập trên nền tảng tự-do thì cá-tính của con-trẻ mới được phát-triển hoàn-toàn. Những trẻ nhỏ ra đời, tuy cùng một cơ-thể ấy, cùng những năng-lực ấy mà không ai giống như ai. Sự hơn kém về thể-chất và tinh-thần là một định-lệ cố-nhiên. Bởi vậy mỗi đứa trẻ có một sức phản động riêng tùy theo trình-độ năng-lực, mà cũng tùy theo cá-tính của nó nữa. Quan-sát lũ trẻ trong sân-chơi, ta sẽ nhận thấy sự hoạt-động của mỗi đứa biểu lộ một cá-tính đặc-biệt ; Đứa này hầu như quên hẳn cái « xã-hội » ồn ào xung quanh, mà chỉ cặm-cụi, miệt mài với mấy mảnh gỗ, hết bày lại xóa. Đứa kia thẩn thơ đi tìm ngắm những bông hoa, chòm lá như đã có cảm-tình riêng với cảnh xanh tươi của tạo-vật. Trong cuộc chơi đùa của từng bọn, giữa tiếng nô cười, hò hét ta sẽ thấy phát lộ những tâm-lý đặc-biệt ; tình thiết-tha của bầu-bạn, của đoàn-thể tình hiếu-động của tuổi thơ chứa chất một sinh khí rồi rào, v.v. Nếu ta bắt trẻ nhỏ theo vào khuôn khổ quá hẹp, vào một nền nếp quá nghiêm mà không trọng cá tính của nó, tức là giam trẻ vào đất cằn-cỗi. Một giáo dục như vùi dập những bản-ngã cố hữu là mắc vào cái tội lớn : Hại trẻ ; Mà những bậc cha mẹ nào nhiệt thành quá để lo liệu hết sức chu tất cho từ nhỏ đến lớn cũng vô tình làm cho chúng thành hạng người ỷ-lại, hạng người « nhụt » không có bản-ngã.

Như vậy thì sự « làm hộ » trong việc dạy trẻ cũng là điều phải tránh. Chỉ lúc nào đứa trẻ thấy tự sự cần-cấp thì ta hãy giúp. Điều quan trọng là khuyên bảo trước cho nó biết sự khôn ngoan, và chỉ dìu dắt nó cho qua bước đường lầm lạc. Nếu đứa trẻ được tự nó làm những việc người lớn đã chỉ bảo, nếu được tập quen những hành động hồn nhiên, nó lại càng ham thích vì đã thắng được cái khó khăn ; Nó sẽ thụ nhặt được những kinh nghiệm khôn ngoan biết quan-sát, biết suy nghĩ, nó sẽ trở nên người tự-lập có bản ngã rõ rệt.

Chúng ta nên khen phục người cha kia, một hôm đã giám cho phép đứa con nhỏ lên sáu đi một mình đến trường học, qua mấy phố đông đúc nhất của tỉnh Hanoi. Tuy người ấy đã chỉ dẫn cho con biết rõ về phép đi đường, nhưng đến khi theo rõi xa xa, thấy nó nhanh nhẹn len lỏi giữa đám đông, hoặc cẩn thận nhìn ngược trông suôi, rồi điềm tĩnh rảo bước qua những con đường nhiều xe cộ chạy vùn vụt, thì người cha không khỏi hồi hộp trong lòng như chiếc chim mẹ khi nấp sau bụi cây nhìn con cất cánh bay truyền. Cuộc thí nghiệm ấy thật đã giúp thêm sức mạnh cho lòng tự tin, tự chủ của đứa con can đảm và đã mang lại cho người cha một nguồn vui lớn, khi tan buổi học lại được thấy con về nhà với vẻ mặt tinh-khôn, đắc thắng.

Phương pháp dạy con của người nước Anh chính là một gương sáng đã được hoàn-cầu biết đến. Ngay từ khi các con còn nhỏ, họ đã dạy cho chúng hiểu biết « giá trị con người ». Họ dạy cho chúng sớm có óc sáng kiến và có tính thích tự lập. Không phải chúng mong sớm được thoát ly gia đình để được sống hoang toàng một đời cá-nhân vị-kỷ ; Không phải chúng mong ước được tự do ăn chơi, đàng điếm để phá phách tài sản của ông cha ; Nhưng là mong tự lập để nhẹ gánh cho gia đình, để một mình can đảm chèo chống, gánh vác việc đời, để được tự do sáng tạo trong những ngành hoạt động mới.

Họ đã làm đúng ý-nghĩa của giáo-dục : dạy dỗ đứa trẻ là sửa soạn cho nó ra làm việc đời.

Nếu những bậc làm cha mẹ, những nhà giáo dục nước ta đều cố hiểu mình để hiểu trẻ và coi việc giáo dục là công việc thiêng liêng thì các con chúng ta quyết sẽ là một lớp người tự do mạnh mẽ hơn chúng ta ngày nay, chúng sẽ là một thế-hệ tương lai tốt đẹp, trong đó còn sống vẻ vang cả dòng-giống huyết mạch của mỗi người chúng ta nữa.

PHẠM LỢI

ĐÃ TÁI BẢN:

NAM-HOA TỰ ĐIỂN

có thêm phần tìm chữ theo âm

SOẠN GIẢ :

NGUYỄN TRẦN MÔ

Cử-Nhân — Chánh-Án

Giá : 4$50

Mua lẻ bằng cách lĩnh hóa giao ngân gửi thêm 0$84 tiền cước

THƯ-HƯƠNG XUẤT BẢN

50, Sinh-Từ — HANOI

Thư và ngân phiếu xin đề cho :

Ô. LÊ TƯ LÀNH

50, Sinh-Từ — HANOI

TẶNG ANH EM HỌC SINH

chương-trình đi thăm
CHÙA TRẦM

NGUYỄN THIỆU LÂU

MỤC đích cuộc đi thăm này là nhận xét vài điều về địa dư đồng bằng Bắc kỳ.

Khởi hành từ Hà Đông. Xem bản đồ vẽ theo dây, lấy bút chì đỏ vẽ hành trình như sau này :

1) Tới La khê. *Ra khỏi làng. Đi tới cầu sắt. Qua cầu. Sang bên kia sông đào Theo giọc sông đào nhưng không vượt thẳng lên đê : rẽ qua đồng và vào làng La Tinh.*

2) Tới La Tỉnh. *Đi qua làng. Treo lên đê. Đi về phía Chợ mới Đông Lao*

3) Xuống đê. Đi từ Chợ mới Đông Lao *qua* Xóm Bãi. *Đi qua đò. Đi qua bãi và chèo lên đê (4).*

4) Từ đê, đi về hướng nam.

5) đi qua làng Phụng nghĩa.

6) Cứ theo đường đê về Chùa Trầm.

7) Từ Chùa Trầm ngược lên phía Bắc tới chùa Vô Vi, theo đường về phía Tây vòng qua các trái đồi đất mà ở trên là làng Phương Khê.

8) Về qua Chúc Lý.

9) Tới Bến đò Mai Lĩnh và quay về Hà Đông.

Đi vòng quanh như thế, mất độ 30 đến 35 cây số.

Đi buổi sáng, độ 6 hay 7 giờ.

Đến 10 hay 11 giờ thì tới Chùa Trầm

Nghỉ trưa ở đó.

Độ 3,4 giờ, quay về Phương khê.

Đến 6 giờ sẽ tới Hà Đông.

Các anh em học sinh ở Hanoi có thể theo chương trình này : sáng đi, tối về. Cả đi, về, đến 50 cây số.

Điều kiện cần nhất — mà chắc ai ai cũng phỏng đoán như thế — là phải có một chiếc xe đạp tốt Ai chưa đi xa quen, về nhà có lẽ mệt.

Nếu rảnh được hai ngày thì nên ngủ lại Chùa Trầm một đêm, cho đỡ mệt.

Nếu có nhiều người đi, một người nên đi nhận đường trước một mình để sau này làm hướng dẫn.

* * *

Trước khi đi, các bạn hãy theo các hình và bản đồ mà *học* trước chương trình của mình.

Cuộc đi chơi chỉ để *chứng nhận* những điều mình đã nhận xét theo bản đồ và để thêm sự *kinh nghiệm* của mình : sau này, dù không có bản đồ, khi tới một vùng tương tự như vùng này, các bạn cũng có thể nhận xét, hiểu biết được ngay.

I. — Hình số 1 và hình số 2

Những con sông chảy ở đồng bằng, thì lòng sông, bờ sông như thế nào? Mùa nắng và mùa mưa — như ở đồng bằng Bắc kỳ ta thì mực nước lên, xuống như thế nào?

Mùa nắng, mực nước xuống sông chỉ là một giải nước rất hẹp và cạn (B).

Mùa mưa, nước lên cao, tràn qua lòng sông B và tiến vào đến hai bờ cao A và Á.

Tại sao lại có hai bờ cao đó?

Nước chảy mạnh ở giữa sông còn ở hai bên thì nước chảy chậm : vì vậy cho nên đất phù xa bị lôi cuốn ở giữa giòng sông và đọng lại ở hai bên. Sông nào ở xứ có một mùa mưa và có nhiều đất phù xa là tự đắp hai bờ hai bên. Hai bờ đó có thể bị nước lụt tràn qua được, nên người ta đã bồi cao nó nên : tức là đê vậy.

Lòng sông mùa nắng, cạn thì nhỏ hẹp, gọi tiếng pháp là *lit mineur* (B).

Lòng sông mùa mưa thì to, gọi là *lit majeur* (A Á).

Hai bờ cao, giới hạn cho *lòng sông mùa mưa* gọi là *bourrelet*.

Đắp cao *bourrelet* lên, là xây đê *digue*

II. — Hình số 3 và hình số 4

Sông mà hai bên bờ đã cao lại còn đắp đê thì đồng bằng bị chia làm nhiều ngăn (*casier*) ; lòng ngăn thì thấp mà bờ ngăn (*digue*) thì cao.

Mùa mưa, sông chảy ở giữa hai con đê, nước sông có thể lên cao hơn mực đất ở đồng bằng

Nếu đê bị vỡ, nước sông tràn vào đồng bằng thành ra lụt.

Đê có những ảnh-hưởng như sau này :

1·) Nếu chắc chắn và liên tiếp, đê ngăn nước sông không cho tràn vào đồng bằng.

2·) Nhưng đê cũng ngăn cả phù sa nữa thành ra :

a) Ruộng không được hàng năm thấm nhuần các chất tốt của đất phù xa ;

b) Sông chở nhiều đất phù xa quá, đất đó đọng lại, làm cao lòng sông lên, vậy người ta lại phải làm cao đê lên.

3·) Đồng bằng bị chia ra nhiều ngăn ở giữa thấp, chung quanh cao :

a) mùa nắng, thiếu nước, khó lấy nước sông vào ruộng được vì nước sông đã thấp lại còn đê cao ngăn trở ;

b) mùa mưa, bị úng thủy.

Sau cuộc đi chơi này, các bạn sẽ nhận biết các điều kể trên.

I. — Đi qua La khê.

Làng này to, nhiều ao, có nghề dệt lụa.

Có thể vào thăm vài nhà dệt....,

Ra khỏi làng, tới cầu sắt bắc qua sông Đào, nhìn về phía La khê để nhận rõ địa thế lang đó

La khê ở trên một đám đất cao. *Đất sét.*

Ngay xunh quanh làng là ruộng mùa rồi đến các luống khoai, đâu : ở đất cat pha, thấp hơn

II. — Đi theo Sông Đào.

(đường cọ, đi xe đạp được)

Đây là một con sông thiên tạo mà sở lục lộ mới đây khai sâu ra.

Lấy nước ở Sông Đáy về Sông Đào ấy : mục đích để mùa nắng thì lấy nước vào ruộng. Vì ruộng cao, sẽ phải dùng máy bơm nước vào (*irrigation par pompage*).

Vì không có máy bơm nước mùa nắng vào ruộng, nên Sông Đào ấy mùa mưa dùng để cho nước dễ thoát về Sông Nhuệ.

III. — Qua làng La Tỉnh

(xem hình vẽ số 5)

Phải bỏ Sông Đào, đi qua ruộng (có chỗ phải giắt xe đạp) tới làng La Tỉnh.

Báo Thanh-Nghị

IN LẠI 14 SỐ ĐẦU

đóng lại thành một cuốn sách, dày chừng 350 trang khổ rộng bằng khổ báo Thanh-Nghị, bìa cứng.

GIÁ: 5$00

Bản Dó lụa giá: 15$00

Những bạn nào định mua bản Dó lụa xin gửi tiền ngay trong tháng Juin 1943

Chỉ in đủ số gửi cho các bạn đặt mua và trả tiền trước, Công việc ấn loát đã bắt đầu Xin các bạn đã đặt mua gửi kíp ngày ngân phiếu về hoặc lại tòa báo trả tiền trước, Các bạn ở xa nhớ gửi thêm tiền cước phí là 0$60.

Nhiều bạn đọc yêu cầu báo T.N in lại tất cả những số cũ để được đủ bộ từ số đầu đến mấy số gần đây Xin giả nhời chung rằng chúng tôi xin để tâm việc đó và SAU KHI IN LẠI 14 SỐ ĐẦU, sẽ có dịp trù tính in lại những số kế tiếp từ 15 đến 35. Các đại-lý ngài nào định lấy bao nhiêu cũng xin gửi đủ tiền trả trước (cả tiền cước)

Làng này rất khác làng La Khê.

Có cổng trước, cổng sau bằng gạch.

Có hàng rào tre rất giầy.

Một hàng ao, ở ngay sau hàng rào tre.

Có một con đường thẳng lát gạch đi từ đầu làng đến cuối làng.

Nhà cửa đều có hàng rào chắc chắn.

Vậy làng này sợ giặc cướp nên đã phòng thủ một cách chắc chắn như thế.

Trèo lên đê. Nhìn phong cảnh đồng bằng.

Đi về phía Bắc, tới chợ mới Đồng Lao.

Xuống đê: đi qua *lòng sông mùa mưa (lit majeur)* của sông Đáy cho đến đê bên kia sông (4)

IV. — Cách giồng giọt trên đất bãi

Lúa lốc (chỉ reo xuống chứ không có cấy mạ; thầu dầu (giồng đã lâu năm, chứ không phải mới vài năm nay); giâu; đậu phụng; đậu xanh khoai lang; ngô. Có rất nhiều cây vải, cành lá xùm xòe.

Ta nhận thấy là có ba thứ giồng ở trên một khoảng đất:

trên vải, dưới đậu, giữa ngô.

Vải có lẽ mùa nắng chẹ bóng cho ngô đậu mà mùa lụt, không bị chết vì thối rễ.

Đi qua một giặng đồi rồi mới trèo lên đê.

V. — Đi về Phung Nghĩa

(xem hình số 6)

Làng này ở hai bên đê.

Xát với chân đê là nhà ở.

Sau đến vườn.

Rồi mới đến ruộng (nhưng phần nhiều là các luống khoai, ngô...)

VI. — Ở Chùa Trầm

Đây là mấy núi đá vôi nổi lên (Gọi là núi thì khi quá vì đã thấp lại bé. Đá vôi tuổi xưa lắm *ouralo permien*)

Mấy tảng núi này ở vào lòng sông mùa mưa của Sông Đáy. Đến mùa mưa (trước khi nhà nước đắp đập Phùng) nước sông Đáy chảy lan đến chân núi.

Ở chân núi (hèn đi vòng quanh núi) ta nhận thấy mấy chỗ đá, bị ăn lõm vào: đó là tại ngày xưa sóng biển đánh vào chân núi, làm bạt đi ăn sâu vào. (Nhưng những dấu tích đó không được rõ rệt như ở chân các *lèn* trong Thanh Hóa hay Nghệ An. Các dấu tích đó, tiếng pháp gọi là *niveau d'abrasion marine*),

Ta không có thể theo các dấu tích đó mà đoan ngày xưa nước biển lên cao đến tận đâu vì:

1·) Có nước Sông Đáy đánh vỗ vào có thể làm mòn chân núi.

2·) Đá vôi ở đây không rắn đều. Có nhiều chỗ bị lở, vỡ. Vậy nhiều dấu tích đó đã bị sóa nhòa

VII. — Vào thăm hang ngoài

Hạng rộng. Có thạch nhũ.

Chỉ nên nhận ba điều:

1·) Hang lộ thiên: có lỗ thủng trông lên trời (vì trần hang đã sụt đổ).

2·) Có ngấn nước (nước Sông Đáy hay nước biển ngày xưa) ăn đá ở gần mặt đất.

3·) Trong hang có nhiều đá sỏi con, bùn lầy đó là bởi Sông Đáy, mùa mưa, đem vào.

Nếu có giầy tốt, có đèn sáng và chí mạo hiểm; nên vào thăm các hang sâu ở trong. Có các trẻ con ở đó hướng dẫn.

VIII. — Đi về Phương Khê

Trèo lên các đồi đất.

Đây là đồi đất vàng không phải là đất *basalte*. Không phải là đất phù sa ngày xưa (*alluvions anciennes*). Có lẽ là đất bởi chất *Schiste* và *grès* (tuổi *primaire, dévonien*) biến thành ra vì mưa nắng.

Làng ở từ chân đồi đến đỉnh đồi.

Nhà cửa leo lên cao.

Vườn là *vườn bậc thang* (theo tiếng dùng trong Phú Yên — *jardin en terrasses*)

Qua Chúc Lý (8) và đi về Bến đò Mai Lĩnh. Thẳng đường, về Hadong.

IX. — Câu hỏi

Tại sao lại có Đê Phụng Nghĩa và Đê Chùa Trầm nối giài về Hướng Nam?

Ta có thể đoán một cách chắc chắn là *lúc đầu* người ta đã làm đê A và Á để giới hạn lòng sông mùa mưa (lit majeur) của Sông Đáy.

Về sau, người ta đã lấn vào lòng sông mùa mưa ấy, chiếm ít đất bãi để làm ruộng. Vì vậy nên mới có Đê Phụng Nghĩa và Đê Chùa Trầm làm thành hai ngăn *(casier)* (đánh giấu trên bản đồ: ngăn 1 và ngăn 2).

Vậy người ta đã lấn xuống long sông. Đê Phương Khê thành vô dụng. Nhưng lòng sông mà bị nhỏ hẹp lại, mùa mưa, nước thoát chậm Đê Phụng Nghĩa phải vững lắm mới khỏi bị đổ.

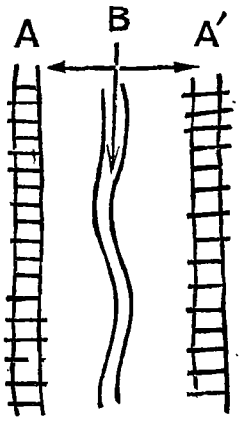

HÌNH 1

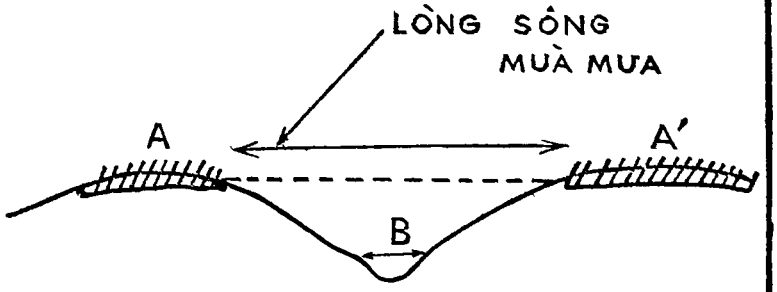

HÌNH 2.

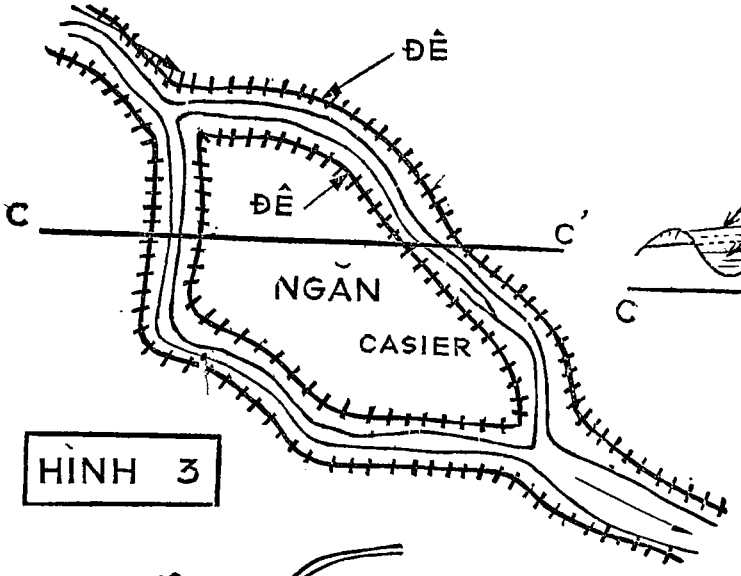

HÌNH 3

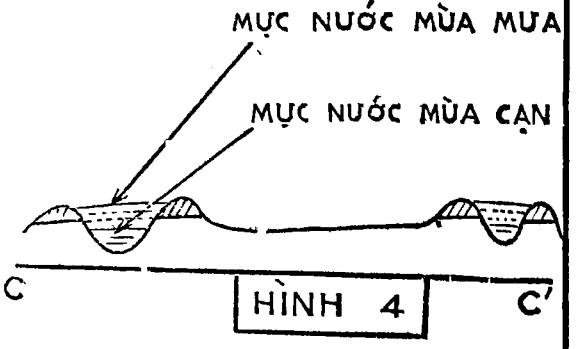

HÌNH 4

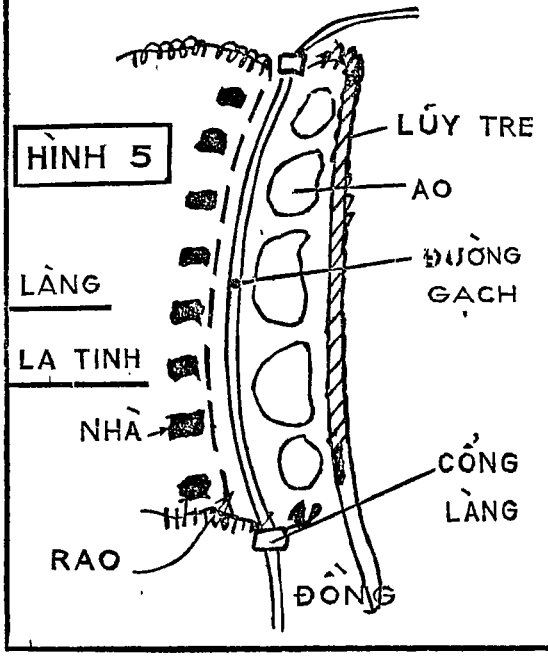

HÌNH 5

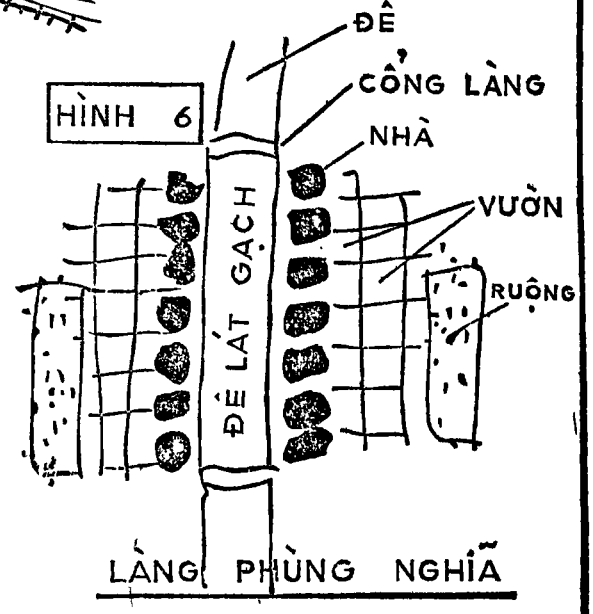

HÌNH 6

LÀNG PHÙNG NGHĨA

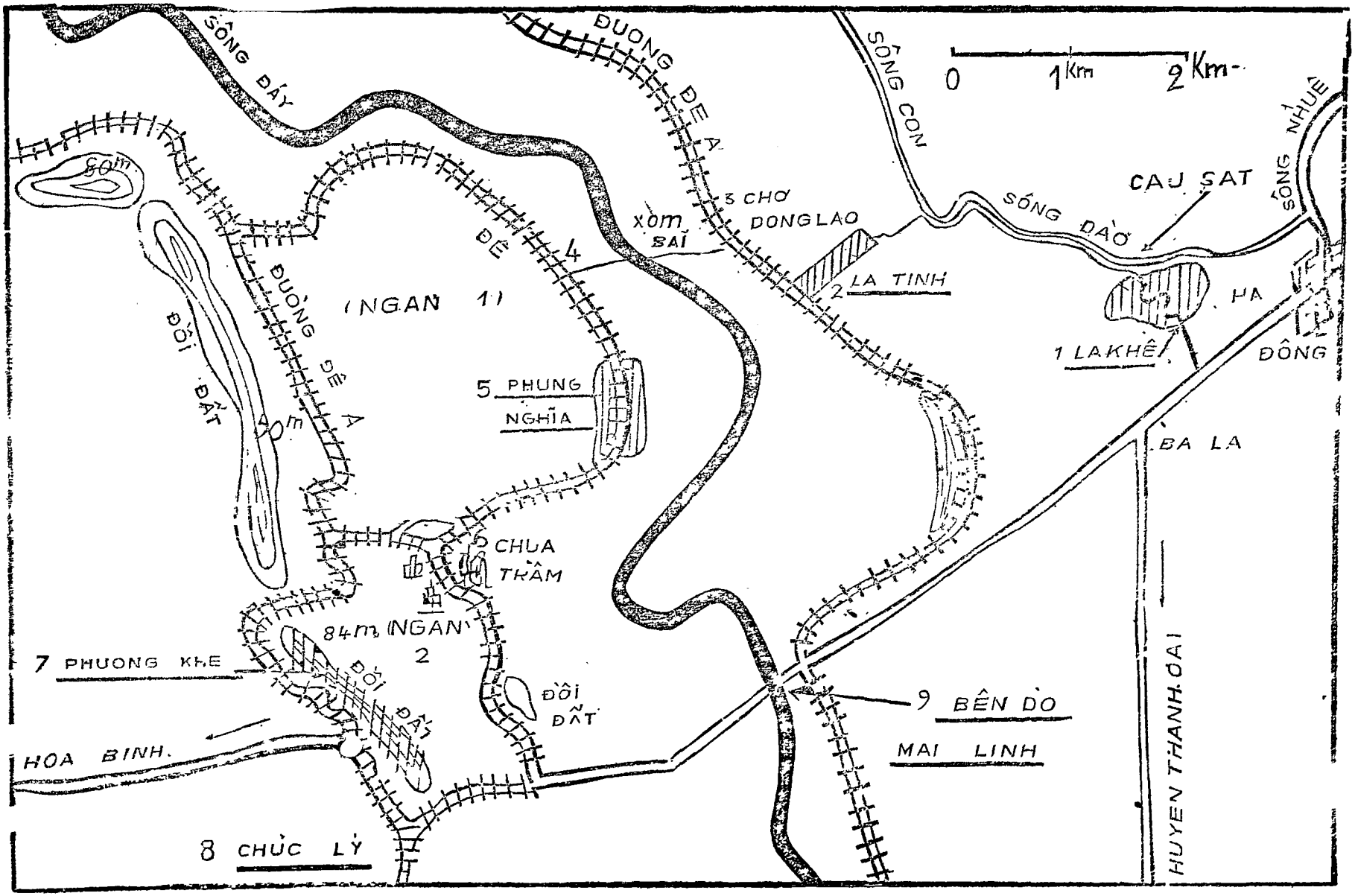
SÔNG ĐÁY
ĐƯỜNG ĐÊ A
SÔNG CON
0 1 Km 2 Km
SÔNG NHUỆ
CẦU SẮT
SÔNG ĐÀO
60m
XÓM SẮI
3 CHỢ ĐÔNG LAO
ĐƯỜNG ĐÊ A
4 (NGÃ 1)
2 LA TINH
HÀ ĐÔNG
1 LAKHÊ
ĐỒI ĐẤT
40m
5 PHÙNG NGHĨA
BA LA
6 CHÙA THÂM
84m (NGÃ 2)
7 PHƯƠNG KHÊ
ĐỒI ĐẤT
ĐỒI ĐẤT
9 BẾN ĐÒ MAI LINH
HÒA BÌNH
HUYỆN THANH ĐẠI
8 CHỨC LÝ

Tình cách tạo tác...

(tiếp theo trang 10)

ít dập sóa ấy có những đoạn khuôn mẫu cho cách hành văn. Đôi khi Lhạch Lam phàn nàn rằng «chưa biết viết gì» để một người bạn kể một chuyện nào đó. Thạch Lam viết. Không ai dám bảo — cả chúng tôi cũng vậy — rằng không phải chính Thạch Lam nghĩ ra. Tôi được thấy cái chuyện người thiếu niên về nghỉ ngơi ít ngày trong lặng lẽ của quê nha dưới sự thương yêu thong thả mát mẻ của bà tổ mẫu mà tôi thuật cho Thạch Lam nghe, chỉ mấy ngày sau thành thiên «DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN» một tác phẩm nhân từ như một lời yên ủi. Họa sĩ Nguyễn gia Trí có lẽ không ngờ có lần nhân kể một truyện lý biệt khác hẳn, đã nhắc khiêu quan sát lạ lùng và rất cảm động của Thạch Lam về được câu truyện «NGƯỜI ĐẦM» vấn vít một tình thương cùng với một ý mỉa mai rất nhẹ nhàng. Đỗ đức Thu kể lại một «nỗi niềm» của tâm lý: «sợi TÓC» với những đoạn xuy nghĩ khắc nghiệt chi li đã thành công rực rỡ theo sự phong phú của Thạch Lam. Cái bản năng văn nhân là một sự sáng suốt dự kỳ, phong phú đôi dào thêm nhờ cái vốn tâm trí của một trăm năm ở đời người ở trong một người chỉ sống *ba mươi ba* tuổi. Thạch Lam *sống* hết cả từng ý «văn» từng câu *văn* anh đã viết trên giấy và văn chương ở Thạch Lam đẹp để một giang đang trọng dáng yêu khác thường. Trong đời ngắn ngủi và rất từng trải — tôi nói đời bên trong — của Thạch Lam, nhà văn sĩ này tự ác nghiệt với mình để giữ những tình ý «thực», để chỉ diễn những tình ý đó, những trạng huống đó. Sự thực của tâm hồn mà Thạch Lam diễn trong lời của văn chương phức tạp nhiều hình nhiều vẻ, nhưng bao giờ cũng dằm thắm, cũng nhân hậu, cũng nghẹn ngào một chút lệ thầm kín của tình thương Nếu Thạch Lam theo một chủ ý nào trong công việc viết văn của anh thì chủ ý ấy là diễn ra và gợi lên sự Thương Xót.

THẾ LỮ

HỘP THƯ

Nhiều bạn đọc yêu cầu chúng tôi in lại T. N. từ số đầu đến mấy số gần đây để được có trọn bộ. Xin giả nhời chung rằng chúng tôi sẽ để tâm việc ấy, và sau khi in lại xong 14 số đầu, sẽ trù liệu in kế tiếp lại những số sau, từ 15 đến 35. Vậy các bạn nên lấy bộ in lại từ số 1 đến số 14 ngay từ bây giờ kẻo về sau chúng tôi có in lại chỉ in tiếp những số sau thành ra các bạn muốn có trọn bộ vẫn không được hài lòng.

BỨC THƠ NHO

CÙNG CÁC ĐỒNG-NGHIỆP BAN SÁCH BÁO Ở BA KỲ

Một dịp cho chúng ta tỏ tình đoàn-kết

Sắp đến ngày 14, tháng 5 annam

Ngày này năm ngoái, chúng ta hay tin buồn ông **Thạch Lam, một nhà văn danh tiếng của nhóm Tự Lực Văn đoàn, vừa mất vì bệnh lao.**

Với nhà văn có tài nhưng chết trẻ ấy nếu chúng ta thực có lòng thương tiếc thì chúng ta nên thừa dịp này làm một việc gì để chứng thực tấm lòng thành của chúng ta.

Nếu ý-nghĩa việc chúng ta sẽ làm chẳng phải là sự phô-trương rầm-rộ thì tôi tưởng vài nén nhang một bình hoa tươi đặt trước tấm ảnh phóng đại của nhà văn ấy cũng đủ (1)

Tôi tin rằng: Với một việc dễ làm mà lại có ý nghĩa hay như thế hẳn phải có nhiều bạn ở xa-gần vui-lòng hưởng-ứng...

Nay kính:
YÊN-SƠN
Kiosque Thanh Tao à Vinh

(1) Muốn ai nấy cũng hiểu biết như mình dưới hoặc trên ảnh phóng đại, ta nên viết mấy chữ lớn:

Thạch Lam (Nguyễn tường Lân) (1910 1942) tác giả những tập truyện giá trị này: *Gió đầu mùa, Nắng trong vườn, Ngày mới Sợi tóc suối g ông (loại Nắng mới)* đều do *Đời Nay* xuất bản... Một nhân tài sớm khuất!

≡ BAN KỊCH THẾ-LỮ ≡

Được tin ban kịch Thế-Lữ đang sửa soạn gấp để cuối năm nay tổ chức những buổi diễn ở Hanoi và các tỉnh. Thực là một tin mừng cho các bạn yêu kịch, vẫn hằng ước ao môn nghệ thuật ấy được một nhà có chân tài và yêu nghề chủ trương. Ông Thế-Lữ, một thi-sĩ, một tiểu-thuyết gia kiêm kịch-sĩ, lại được các nhà văn đã từng quen với sân khấu cộng tác thật có đủ điều kiện để có thể thành công rực rỡ.

Chúng ta tin sẽ được thưởng thức những buổi dạ-hội huy hoàng làm rạng tỏ một nền nghệ thuật đã thường thử thách bao nhiêu cố gắng và hi sinh vô hiệu quả.

TƯ TƯỞNG OSCAR WILDE VỚI BÀI

«MỘT QUAN-NIỆM VỀ NGHỆ-THUẬT»

TRONG Thanh-Nghị số 36 ngày 1er Mai 1943, ông Nguyễn thành Long có bày tỏ chút ý-kiến về những tư-tưởng của Oscar Wilde về khách quan và chủ quan mà tôi đã dịch trong T. N. số 34. Nay tôi bàn qua về những tư-tưởng của tác giả bài «Một quan-niệm về nghệ thuật»:

1.) Ông Nguyễn thành Long cho rằng sáng tạo lối chủ-quan, ấy là «một người đã sống một cảnh-ngộ đó; là kể lể, phô bầy cuộc đời nghèo nàn của mình. O. Wilde có muốn nói thế đâu? Một tác phẩm có tính cách chủ quan có phải là một thiên tự thuật đâu, có phải là một thiên tả lại «những cái tôi sắp theo một chiều nghèo nàn của bản ngã» đâu? Khi ta nói: «Tôi thế này, tôi thế nọ...», thì có lẽ ta tả những cái «tôi» nghèo nàn ấy (ấy là ta hãy gác bỏ ra bên sự bịa đặt thường thấy trong các thiên tự thuật để làm cho cái «tôi» bớt nghèo nàn). Nhưng khi nghệ sĩ tả một nhân vật là A, là B. tuy mỗi nhân vật đó có cái đời của họ, khác với đời tác giả. Sống những trường hợp đặc biệt không giống những trường hợp gặp ở trong đời tác giả, nhưng này một cử chỉ, này một nỗi buồn, nay một lời triết lý, ấy đo là tác giả. Tác giả mượn nhân vật chính mà phô bầy mình, không phải phô bầy cái mình «nghèo nàn», nôm na, mà là cái mình thầm kín», mơ tưởng muốn diễn ra trên thực tế nhưng chạm phải những bờ lũy của nó. Không ai bảo Romeo là Shakespeare, nhưng ai cũng nhận và cũng hiểu rằng Shakespeare có ở trong Romeo, như Mussel ở trong Fantasio, Lorenjaccio, mà đến cả Corneille trong Horace và Racine nữa. Vì luật của sự sáng tạo văn chương là thế.

Ông Nguyễn thành Long bảo: «Nghệ sĩ cần phải thoát khỏi những cái tôi nghèo nàn mới có thể sang tạo được». Oscar Wilde không hề nói trái lại bao giờ (xin đọc lại bài «Khách quan và chủ quan»).

2.) Tác giả bài «Một quan niệm về nghệ thuật» lần vấn-đề tạo tác trong mỹ thuật (la technique de la création artistique với vấn-đề nhận xét một chân lý trong nghệ thuật (constatation d'une vérité dans l'art. Tác giả dẫn cho ta biết muốn sáng tạo trong nghệ thuật thì phải thế nào (thoát ra khỏi những cái tôi nghèo nàn, làm cho tâm hồn thoát khỏi trước, quên mình đi..) nhưng O. Wilde trong bài tôi dịch chỉ nhận xét rằng những tác phẩm có dụng điệu khách quan lại thường rất chủ quan mà thôi. Đuổi hết trí óc đi, sáng tạo nghệ thuật, quên mình đi, ông Nguyễn thành Long cho thế là khách quan, hết sức khách quan. Nhưng trong khi mường tượng, say mê để cấu tạo ai bảo là một phần tạ, cái phần u-ẩn, thầm kín, không lén bước vào tác phẩm của nghệ sĩ? Có khi vì thế nó lại dễ lén vào lắm vì trí óc đi vắng không cho nghệ sĩ quan niệm thấy những bờ lũy của sự thực nữa mà bỏ lỏng cương cho những hoạt động tiềm thức. Mà những hoạt động tiềm thức ấy mới thật là ta (le véritable moi), chứ không phải những cái tôi vụn vặt, thiếu thốn hàng ngày bị hoàn cảnh chi phối, chê ngự.

Chỉ vì chọn lầm quan điểm nên tác giả bài «Một quan niệm về nghệ thuật» mới chỉ trích Oscar Wilde vội vàng quá.

3) Tác giả bảo quyển Nouvelle Héloïse của Rousseau lộn-sộn, thiếu duy nhất. Nhưng tôi có phê phán quyển đó đâu? Tôi chỉ lấy một thí dụ: Rousseau không nói: «Tôi nghĩ... tôi làm...», mà nói: «Saint Preux cảm thế này... thế nọ». Nhưng Saint Preux cảm rất nhiều cảm súc của Rousseau, tuy Rousseau không được sống một điệu giống hệt như của Saint Preux. Rousseau là một diễn giả, một nhà cải cách (hay một nhà triết lý tùy ý) khi nói đến cách tổ chức cuộc sống, phô bầy ý-kiến về xã-hội trong thiên Nouvelle Héloïse, nhưng ông ta là nghệ sĩ khi tả cái tình éo le giữa Saint Preux và Julie. Nói tóm lại: O. Wilde trong bài tôi đã dịch và tôi đã nói trong lời lược bàn về tư tưởng của O. Wilde, chỉ là xét nhận một chân lý, chứ không hề phê phán tác phẩm và nghệ thuật.

ĐINH GIA TRINH.

IN SẮP XONG;

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

ANH HOA

69, Hàng Than — HANOI

Có in ít bản giấy qui dành cho các bạn «CHƠI SÁCH». — Thư và tiền đề tên ông **MAI VĂN PHÚC**

VẤN-ĐỀ GẠO VÀ DÂN QUÊ

(Tiếp theo trang 4)

Ngoài những nhẽ về cai trị, kinh-tế, xã-hội và ngoài nhẽ công-bằng kể trên đây, sự cưỡng bách các đại-điền-chủ bán thóc cho kho-trữ của nhà nước còn có những điều-lợi khác nữa.

Vì các đại-điền-chủ ít và sự trực tiếp với họ dễ dàng, chính phủ có thể cắt người để đại biểu họ trong các cơ quan kiểm soát sự tích trữ, phân phát và bán lại số gạo nhà nước — như thế tránh được sự hiểu-nhầm rằng có tư nhân lợi-dụng chính-sách của chính phủ để kiếm lợi riêng. Chính phủ lại có thể điều-tra một cách rõ ràng số thóc mỗi đại-điền-chủ thu được trong mỗi mùa rồi căn cứ vào đấy mà định số thóc mua của họ v. v.

Nhưng chỉ mua của đại-điền-chủ theo một phương pháp tích lũy liệu có thu đủ số thóc cần dùng cho kho trữ phòng-bị hay không?

Trên đây tôi đã dùng nhiều lần chữ đại-điền chủ mà chưa có dịp nói người có bao nhiêu mẫu trở lên là «đại điền chủ». Tôi muốn để cho chữ ấy có một nghĩa tương-đối tùy theo với sự cần dùng của từng lúc. Nếu nhà nước cần dùng một số thóc vừa phải thì «đại-điền chủ» là những người có từ 50 mẫu giở lên. Nếu số thóc cần nhiều hơn nữa thì người có 20 hay đến 10 mẫu cũng có thể liệt vào hạng đó.

Chỉ cần hai điều là bao giờ cũng lấy ở các người có nhiều ruộng nhất rồi thiếu mới lấy xuống hạng dưới và không bao giờ bắt những người có dưới 10 mẫu cũng phải bán.

Căn cứ vào những con số đã đăng trong tập *Annuaire statistique de l'Indochine 1931-1932* (và tiếc rằng không có những con số mới và rành rọt hơn) thì ở Bắc Kỳ điền-chủ có dưới 5 mẫu tây (tức là 13 mẫu rưỡi ta) cấy 40 phần trăm diện tích ruộng đã khai khẩn; điền chủ có từ 5 đến 50 mẫu tây (ha) (tức là từ 13,5 đến 135 mẫu ta) cấy 20 phần trăm, điền chủ có trên 50 mẫu tây (135 mẫu ta) cấy 20 phần trăm, còn 20 phần trăm là công-điền.

Theo như ức-lượng của ông Gourou, trong quyển *Les paysans du Delta Tonkinois*, thì miền hạ-du Bắc-Kỳ trung-bình *chiêm* cấy được 750 nghìn mẫu *tây* và *mùa* cấy được 850.000 mẫu *tây*.

Như vậy, chỉ nói riêng về vụ chiêm đại-cương có chừng 150.000 ha của các điền-chủ có hơn 50 ha và 150.000 ha của các điền-chủ có từ 5 đến 50 ha.

Theo lệ thường, thóc gặt được chia đôi, người lĩnh canh một nửa, chủ ruộng một nửa. Vậy riêng về một vụ chiêm chủ ruộng thu được từ 6 tạ rưỡi đến 7 tạ *mỗi mẫu tây*. Miễn trừ mỗi điền-chủ 3 ha 6 (hay là 10 mẫu ta), (số điền chủ mỗi hạng có đăng trong Annuaire Statistique kể trên đây) rồi tính trên 50 ha thì bán 6 tạ một mẫu tây (tức là 2 tạ 3 một mẫu ta), từ 5 đến 50 ha thì bán 5 tạ (tức là 1 tạ 8 một mẫu ta), thì có thể mua tới *120.000 tấn* thóc mà chưa phải gọi đến những người có dưới 5 ha hay 13 mẫu rưỡi ta.

Đây là tính phác qua để có một ý kiến về sự lợi của lối *tích-lũy*. Chỉ có những công sở mới đủ tài-liệu để tính một cách sác-thực hơn.

Từ năm 1931 đến nay không có sự gì thay đổi lớn lao về luật pháp hay phong tục làm cho ruộng đất tập-trung hay tản-dật một cách nhanh chóng. Ta có thể nói rằng kết quả trên đây bây giờ còn đúng.

Xem sự tính phác đó ta thấy rõ câu nói thường: «Lấy thóc của đại-điền-chủ thì không đủ số» chỉ là một câu đầu lưỡi để che đậy sự thiếu suy sét đến sự thực, — nếu không phải là một câu nói để che đậy những quyền lợi ích-kỷ của tư-nhân.

* * *

Điều trở ngại độc nhất của sự bắt buộc đại điền-chủ phải bán thóc là điều này: chạm đến quyền-lợi của họ tức là chạm đến những hội cùng những người có thế-lực, có tri-thức, mà một phần lại có sẵn tổ-chức và đã quen dùng những danh-từ quảng-đại để bào chữa tư-lợi của mình.

Mười triệu dân quê hay ba mươi vạn tiểu điền chủ bị thiệt thòi nhiều thường không làm cho dư luận sôi nổi bằng ba bốn trăm chủ ruộng to nhất trong xứ bị thiệt một ít.

Đó là một kinh-nghiệm ai cũng còn giữ được từ hồi kinh-tế khủng-hoảng cách đây bảy tám năm.

Nhưng may chúng ta có nhiều nhẽ để hy-vọng rằng trong sự giải quyết những vấn-đề khó khăn của hiện tại, phương pháp nào hợp lý nhất và công bằng nhất rồi sẽ được thi hành.

Chính phủ ngày nay đã quen đề quyền-lợi chung lên trên tất cả những quyền lợi riêng, không phân-biệt là quyền-lợi của đảng-phái, của đoàn-thể hay của cá-nhân nào. Ta đã vui mừng nhận thấy uy-quyền của quốc-gia đánh đổ những địa-vị rất cao, cùng những quyền-lợi rất mạnh, rất ngạo nghễn. Ta hãy coi đấy là một đảm-bảo cho tương-lai.

Vả chăng, sống trong tình thế đặc biệt này, hy sinh đã thành một khẩu hiệu cho mọi người, mọi đoàn thể trong xã hội; ta hãy tin rằng những đại điền chủ, nhờ sự giảng dụ của nhà cầm quyền, rồi sẽ vui lòng hy sinh một phần lợi riêng để làm bớt sự nhọc nhằn, thiếu-thốn của những giai cấp khác, để phụng sự quyền-lợi chung, để cứu vãn địa-vị riêng của mình và giúp ích vào cuộc trị-an của toàn xứ.

Thật vậy, vấn đề gạo, việc lập kho trữ phòng bị, sự can thiệp của chính phủ vào sự mua bán gạo, không phải là một vấn đề và một công việc tạm thời nữa. Đấy là những vấn đề và công việc vĩnh viễn trong thời kỳ chiến tranh.

Để giải quyết những vấn đề vĩnh-viễn, để tiến hành những công việc vĩnh viễn, cần phải dùng những phương-pháp hợp-lý về kinh tế, chính trị và xã-hội:

TÂN PHONG

Thống chế PÉTAIN đã nói:

«Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ-báng chua chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước con giông tố»

VIỆC QUỐC TẾ:

Trận Bắc-Phi kết liễu đã hơn một tháng giời. Người ta vẫn còn đang sửa soạn để mở màn ở một hồi mới — phải chăng là hồi chót? — tất nhiên phải dữ-dội, kinh khủng hơn nhiều.

Đồng thời với những trận không chiến phá hoại ở Tây-Âu, thủy không chiến ào ạt trên Địa trung hải, chung quanh mấy đảo Sardaigne, Sicile, Pantellaria người ta chú ý đến mấy việc hoạt-động ngoại-giao: cuộc hội kiến giữa Churchill và Roosevelt tại Hoa-Thịnh-Đốn, giữa Staline và J. Davies, đặc-sứ của tổng-thống Hoa Kỳ tại Mạc-tư-Khoa, và nhất là cuộc gặp-gỡ của các tướng Giraud và De Gaulle ở Algérie để đưa đến sự thỏa thuận giữa hai phái và thành lập một Uỷ ban giải phóng quốc gia.

Cùng lúc đó hạm-đội Pháp dưới quyền đô-đốc Godefroy, bị giữ đã lâu ở Alexandrie (Ai-Cập), sau khi điều-đình với tướng Giraud, đã bằng lòng theo Anh-Mỹ.

Mặt trận Nga lại bắt đầu hoạt động. Riêng khu Kouban vẫn có đại chiến, nhưng tình-hình vẫn chưa rõ-rệt. Hình như Hồng-Quân có ý đánh sang bán-đảo Crimée, hoặc giả để dự vào một kế-hoạch gì trong cuộc đổ bộ sắp tới của Đồng-Minh ở Ba-nhĩ-Cán (?)

Để mở đầu cuộc đổ bộ vào lục-địa Âu Châu, quân Anh Mỹ đã đánh dữ và định chiếm mấy đảo Lampedusa, Pantellaria của Ý ở vào khoảng giữa từ Tuni ie tới Sicile. Cuộc kh ng-chiến của quân Ý rất mạnh nhưng rồi cũng phải đầu hàng (13-6).

Một cuộc nội-loạn và đảo chính đã sảy ra ở Argentine, một nước lớn có những cánh đồng lúa mì phì-nhiêu và những đàn súc mục trù phú ở Nam Mỹ. Một chính-phủ mới thân Anh-Mỹ đã thành-lập do tổng tư ởng bộ chiến-tranh cầm đầu.

Trên Thái-bình dương. : Quân Mỹ đổ bộ lên đảo Attu thuộc quần đảo Aléoutiennes nối liền Bắc-Á với Bắc-Mỹ. Toàn-t ề quân Nhật trên đảo này do đại-tá Yamazaki chỉ huy đã kháng chiến đến phút cuối-cùng rất oanh liệt.

∴

Ở Đông-Dương

Hai hôm 8 và 11 Juin có báo-động tại Bắc-Kỳ. Phi cơ Hoa Mỹ có ném bom ở vài nơi, thiệt hại không là bao (theo thông cáo của Chính Phủ).

Một đạo sắc-lệnh ngày 31 Mai 1943 cho lập tại Đông-Dương một Hội-nghị liên bang tư-vấn để thay Đại-hội-nghị kinh-tế và lý tài bị giải-tán từ ngày 8 Novembre 1940.

Viết ngày 13 Juin 1943
Đ. Đ. D.

đọc sách mới

Vũ-ngọc-Phan *Nhà Văn Hiện-Đại II* Tân-Dân — *Giai - Phẩm* Đời - Nay.

∴

Văn phê bình của ô. Vũ-ngọc Phan có 2 điểm khác thường. Một là ông chú ý đến dư luận của người đồng thời rất nhiều. Hai là ông dùng lối phân tích tỉ mỉ, lựa từng câu từng chữ.

Hai điểm đó, trước kia tôi đã có dịp nhận thấy khi bàn cuốn *Nhà văn Hiện Đại* thứ nhất của ông cho nên tôi có ý chờ đợi cuốn thứ hai này sốt ruột như kẻ đi xem hát mong hồi cuối cùng để biết tinh nết các vai trò còn hiệu ra những vẻ gì.

Các độc giả hẳn cũng còn nhớ trong tác-phẩm trước Vũ-quân nói tới các nhà văn của « nhóm » « Đông Dương và nhóm Nam Phong » (gọi là nhóm nhưng chính ra cũng chẳng có tôn chỉ gì là đặc biệt cả Trong cuốn này ông nói đến các nhà văn độc-lập « không viết hẳn cho một tờ báo hay một tạp chí nào « đầu tiên có các nhà biên khảo như Trần trọng Kim, Đào duy Anh, Nguyễn văn Tố, thứ đến các tiểu-thuyết-gia như Hoàng ngọc Phách Hồ biểu Chánh, rốt đến các thi gia như Nguyễn khắc Hiếu, Trần tuấn Khải, v. v...

Cái nết ưa dư luận của Vũ-quân lần này hiện ra hai vẻ đặc biệt. Trước hết ông không phê bình lấy mấy khi, mà hay gom góp những lời phán đoán của các nhà văn khác. Ví dụ như khi ông nói đến cuốn Nho Giáo của Trần trọng Kim ông chịu khó tóm tắt hết cả cuộc bút chiến Lê-Thẩn Phan Khôi ở Phụ Nữ Tân Văn hay những lời bàn của ô. Ngô tất Tố trong một cuốn sách xuất bản gần đây ; lại như khi nói đến Lê Dư sở cuồng, ông không ngần ngại trích ba trang bài « Điều đình cái án quốc học » của Nguyễn trọng Thuật. Lối phê bình bằng phê bình đó làm cho nhiều người có cảm rằng Vũ quân có ý kiến mà e lệ không nói, hay đã làm một việc quá sức mình.

Vẻ thứ hai là một biến tướng của vẻ trên. Vì ưa dư luận nên ô. Vũ ngọc Phan đã không hề hà gì trích những đoạn văn dài mà chỉ dăm ba câu nho nhỏ đủ tóm tắt hết ý nghĩa, chẳng bạn, muốn tỏ rằng bài Khuê-Phụ-Thán là của Thượng-Tân-Thị ông đã trích nguyên văn bài đính chính của con gái tác giả ; đáng ra thì chỉ một hai giòng đủ để độc giả hiểu rõ rồi. Thành ra đọc sách của ông, một nửa là đọc văn ông, một nửa là đọc văn người khác.

Điểm khác thường thứ hai cũng biến ra nhiều vẻ. Bàn về văn khảo cứu thì Vũ Quân đem từng quyển sách một ra phê-bình mà mỗi lần lại trích từng đoạn văn hay hay hỏng, từng chữ đúng hay không đúng. Bàn về thơ thì ông dùng lối « văn nhà trường » trích dẫn, ba câu rồi dưới hạ lời phê bình hay tóm tắt lại.

Vũ Quân thật đã viết một lối phê bình hoàn toàn Việt Nam, riêng cho hạng người nước ta thường thường bậc trung thích tỉ mỉ coi mới mà không ưa nghĩ xa, nhìn rộng, hợp với trình độ văn chương nước ta vừa lặt vặt lại vừa kém phong phú. Nhưng chỉ sơ rằng một ngày kia nếu Vũ-quân còn giữ lối phê bình 1942 43, làng văn Việt Nam khá giả có độ vài mươi người viết mỗi kẻ độ vài ba chục cuốn sách, mà lại nổi danh, thì lúc đó Vũ Quân tất phải vét một bộ sách dầy như phô tự-điển bách khoa mới có thể khảo cho hết được Mà lúc đó Vũ quân đã già rồi, không biết có làm trọn thiên-mệnh chăng !

∴

Giai Phẩm là một cuốn « sách đầu năm » nhưng lại đợi tu hú kêu mới ra đời. Vì đâu ? Há có phải vì lâu ngày im tiếng nên nay vỡ oải

Sách gồm có nhiều chuyện ngắn của các nhà văn quen biết Trần Tiêu, Nguyễn Tuân, Bùi Hiền, Thanh Tịnh. Hồ Dzếnh. Thế Lữ, Lường Bách nhiều thơ của Tú mỡ, Vũ hoàng Chương, Huyền Kiêu. Đinh Hùng, nhiều tranh vẽ của Nguyễn Gia Trí và Tô ngọc Vân. Vẫn những người xưa ! Vẫn những không khí xưa ! Nguyễn Tuân vẫn giữ cái giọng bắc bực điểm chút triết lý nhẹ nhõm, Thanh Tịnh vẫn có lời văn êm đềm và những nhận xét hay hay Trần Tiêu là một nhà văn lạc về thôn quê ; Hồ Dzếnh, một người vướng víu vì nỗi giống Tú mỡ một nhà thơ cổ được trọng dụng. Chỉ có « *Thoa* » của Thế Lữ là khác năm xưa (Lối văn của ông đã soay hướng chăng ! Chỉ có giọng thơ của Vũ hoàng Chương là nhẹ nhàng, du dương hơn trước. *Vàn mưội* của ông, trừ những câu lục-bát ở hồi thứ ba, đã cho ta xem một mặt của tài ông

Cảm giác của tôi khi đọc xong *Giai phẩm* cũng là cảm giác của một gã đã mơ thấy một phong cảnh đã từng xem ở một thủa xa lắc xa lơ nào.

Á Q CHÍNH TRUYỆN
SẼ IN THÀNH SÁCH
THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

ĐÃ CÓ BÁN:

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ
của NGUYỄN BÁCH KHOA
Giá 1$80

GỐC TÍCH OÀI NGƯỜI
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
Giá 1$80

ÓC KHOA HỌC
của P. N. KHUÊ
Giá: 2$20

SẮP CÓ BÁN;

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
Giá 1$20
Mua 1 cuốn xin gửi tiền về trước thêm 0$40 cước

HÀN-THUYÊN
71, Rue Tiên Tsin — HANOI

ĐÃ CÓ BÁN Giá 2$80

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

Lần đầu tiên một triết học vô cùng sâu rộng được diễn ra quốc văn do một giả *thông tiếng phạn và đã tốt nghiệp cao đẳng triết học PARIS* ông **PHAN VĂN HÙM**

NHÀ XUẤT BẢN
Tân-việt
29, Rue Lamblot, HANOI

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó sẽ thành sự thực nếu các ngài bỏ 1$00 mua VÉ SỐ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

BÁO THANH-NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG - THU NHẶT TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 1er Juillet 1943

— Đạo sắc lệnh mới về Hội Nghị Liên Bang	TÂN PHONG
— Tình-hình kỹ nghệ Đông-Dương trong hai năm vừa qua	VŨ ĐÌNH HÒE
— Pháp luật hiện hành và sự tăng giá trái phép.	TẠ NHƯ KHUÊ
— Rudyard Kipling nhầm : Đông và Tay thật ra đã nhiều lần gặp nhau.	VŨ BỘI LIÊU
— Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17	NGUYỄN TRỌNG KHẨN
— Cuộc tiến-hóa của nền tư-bản Âu tây	VŨ VĂN HIỀN
— Ba cuốn tiểu-thuyết Pháp hiện-đại — Quyển thứ III	LÊ HUY VÂN
— Hai tấm vé số (*tiếp theo*)	NGUYỄN TUÂN
— Thi, *truyện ngắn*	HƯƠNG MINH
— A. Q. chính truyện.	ĐỨNG THÁI MAI

Xin chú ý. — Tòa báo T. N. đã dọn đi 214 phố hàng Bông Hanoi

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1er Mai 1939 N° 3089
Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE — Fondateur : Doãn Kế Thiện — Imp. TRUNG BẮC